

Số: 57 /TB-CN

Biên Hòa, ngày 20.. tháng 4 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (Dowaco).
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, CMT 8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Điện thoại: (0251) 3843 316 Fax: (0251) 3847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người công bố thông tin: **Phạm Thị Hồng**
- Chức danh: TV.HDQT, Giám đốc Công ty.
- Loại thông tin công bố:

☒ Định kỳ ☐ 24h ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (đính kèm Báo cáo).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20../4/2020 tại đường dẫn <http://dowaco.vn/quan-he-co-dong.aspx>.

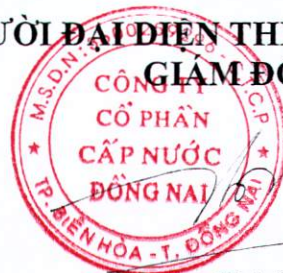
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Giám đốc Công ty;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, TCHC.

E/HIEN/CÔNG TY/CBTT/2020



Phạm Thị Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Nước sạch cho cuộc sống xanh



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2019



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	07	IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	49
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	23	V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY	55
III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	39	VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	67



PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

• Thông tin khái quát	08
• Quá trình hình thành và phát triển	10
• Các giải thưởng tiêu biểu	12
• Ngành nghề kinh doanh	14
• Địa bàn kinh doanh	14
• Định hướng phát triển	15
• Sơ đồ tổ chức	16
• Các rủi ro	18

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
- Tên viết tắt: DOWACO.
- Tên Tiếng Anh: Dong Nai Water Joint Stock Company.
- Mã cổ phiếu: DNW.
- Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng.
- Trụ sở chính: Số 48, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: (0251) 3843316.
- Fax: (0251) 3847149.
- Email: capnuocdongnai@dowaco.vn
- Website: www.dowaco.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 3600259296 đăng ký lần đầu ngày 07/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/04/2019.



Nước sạch cho cuộc sống xanh



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1928

Nhà máy nước Biên Hòa do người Pháp thiết kế và xây dựng với công suất là 1.450m³/ngày.

1967

Cơ quan viện trợ của chính phủ Úc tài trợ xây dựng thêm 1 cụm xử lý mới với công suất 15.000m³/ngày. Tổng công suất là 16.500m³/ngày.

1977

UBND tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 25/QĐ ngày 14/03/1977 về việc thành lập Công ty Khoan cấp nước trực thuộc Công ty Xây dựng Đồng Nai. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển đây được xem là cột mốc quan trọng ghi dấu sự tạo lập, hợp nhất và phát triển của Công ty sau ngày thống nhất. Với ý nghĩa đó, Công ty quyết định lấy ngày 14/03 hằng năm là ngày kỉ niệm thành lập Công ty. Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai đã cải tạo nâng cấp thêm trạm bơm giếng ngầm, cấp nước cho hơn 1.500 hộ dân với công suất 2.740m³/ngày.

1987

Thành lập Xí nghiệp Khai thác nước Xuân Lộc tách khỏi Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai. Xí nghiệp xây dựng thêm 2 trạm bơm nước, công suất 3.300m³/ngày.

1990

Là giai đoạn khó khăn nhất đối với Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai do ảnh hưởng của cơ chế bao cấp. Trong điều kiện xã hội đang chuyển biến, nhưng Công ty chuyển đổi không kịp. Nội bộ Công ty hoạt động mất ổn định, tình hình cấp nước không đảm bảo yêu cầu của xã hội. UBND tỉnh Đồng Nai quyết định giải thể Công ty Khoan cấp nước và thành lập mới Công ty Cấp nước Đồng Nai vào tháng 4/1990.

1993

Công ty Cấp nước Đồng Nai mở rộng nhà máy nước Biên Hòa từ 22.000m³/ngày lên 36.000m³/ngày để tăng nguồn nước cung cấp cho các khu dân cư của thành phố Biên Hòa.

1996

Công ty vinh dự được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III.

2005

Tổng công suất khai thác đạt 135.348m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 57.736 hộ. Công ty đón nhận Huân chương lao động hạng II.

2014

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai. Tổng công suất khai thác năm 2014 đạt 293.615m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 150.356 hộ.

2015

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, tổng công suất khai thác đạt 304.950 m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 167.465 đầu nối.

2016

Ngày 09/03/2016, Cổ phiếu công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên Upcom với mã chứng khoán DNW và ngày 16/03/2016, DNW lần đầu giao dịch trên Upcom với giá đóng cửa cuối phiên là 17.000 đồng/cổ phiếu. Tổng công suất khai thác năm 2016 đạt 308.101m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 202.269 đầu nối.

2019

Ngày 12/04/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai. Ngày 01/06/2019, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai thành lập hai phòng ban trực thuộc Công ty gồm: Phòng Kinh doanh và Phòng Kỹ thuật.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

NĂM 2015

STT	Số Quyết định	Hình thức	Cấp khen	Nội dung
1	QĐ số 1336/QĐ-UBND ngày 09/5/2016	Bằng Khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước từ 2014 -2015
		Cờ thi đua	UBND tỉnh Đồng Nai	Đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2015

NĂM 2016

STT	Số Quyết định	Hình thức	Cấp khen	Nội dung
2	QĐ số 3238/QĐ-UBND ngày 06/10/2016	Bằng Khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD từ năm 2013 - 2015 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai
		Khánh vàng	UBND tỉnh Đồng Nai	Đạt danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc" tỉnh Đồng Nai lần thứ VI – 2016

NĂM 2017

STT	Số Quyết định	Hình thức	Cấp khen	Nội dung
3	QĐ số 2470/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Bằng khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Đã có đóng góp trong phong trào ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, giai đoạn 2012 - 2017.

NĂM 2018

STT	Số Quyết định	Hình thức	Cấp khen	Nội dung
4	-	Bảng ghi nhận và cảm ơn	Công an TP.Biên Hòa	Đã có đóng góp trong công tác dân vận và phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc năm 2018.
5	QĐ số 2500/QĐ-UBND ngày 23/7/2018	Bằng khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Vì nạn nhân chất độc da cam giai đoạn 2013 - 2018”.
6	-	Bảng vàng tri ân	Hội hỗ trợ Gia đình Liệt sỹ Đồng Nai	Đã có thành tích ủng hộ Quỹ Tri ân Liệt sĩ trong 5 năm (2013 - 2018).
7	QĐ số 4225/QĐ-UBND ngày 27/11/2018	Bằng khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Đã có thành tích tiêu biểu tham gia cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” và phong trào xây dựng “Nhà Đại đoàn kết” xóa nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000 - 2018.
8	-	Bảng tri ân	UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai	Tri ân Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tham gia cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” và phong trào xây dựng “Nhà Đại đoàn kết” xóa nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000 - 2018.

NĂM 2019

STT	Số Quyết định	Hình thức	Cấp khen	Nội dung
9	Số 1177/QĐ-UBND ngày 22/4/2019	Bằng khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2018
10	Số 38/QĐTHXDVN ngày 27/6/2019	Bằng khen	BCH Trung ương Tổng hội Xây dựng Việt Nam	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội nhiệm kỳ IV (2014-2019)
11	Số 126/QĐ-TĐKT-TWH ngày 16/9/2019	Bảng Tri ân	Hội nạn nhân chất độc da cam dioxin Việt Nam	Tri ân tấm lòng vì nạn nhân chất độc da cam: Chương trình "hỗ trợ sinh kế cho nạn nhân chất độc da cam Việt Nam" lần thứ 1

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:
 - + Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
 - + Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác.
 - + Thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp thoát nước.
 - + Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư. Giám sát thi công công trình dân dụng - công nghiệp. Lập hồ sơ mời thầu. Đánh giá hồ sơ dự thầu. Thẩm định thiết kế kỹ thuật. Quyết toán các dự án đầu tư.
 - + Tư vấn quản lý dự án đầu tư. Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán-tổng dự toán.
 - + Thẩm định kết quả đấu thầu.
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15 mm đến 100 mm (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hiện nay, các nhà máy sản xuất nước mặt đang khai thác và cung cấp nước cho các khu vực như sau:

- Khu vực thành phố Biên Hòa (29 phường và 1 xã Long Hưng).
- Khu vực Long Thành: Thị trấn Long Thành (Văn Hải, Phước Hải, Phước Thuận, Phước Long, Cầu Xéo, Kim Sơn), xã Long Đức, An Phước, Lộc An, Long An, Tam An, Bình Sơn.
- Khu vực huyện Xuân Lộc: Thị trấn Gia Ray, xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa, Xuân Hiệp, Suối Cát, Xuân Trường.
- Khu vực huyện Định Quán: Thị trấn Định Quán, xã Phú Vinh, Phú Lợi, Gia Canh, Phú Ngọc, Ngọc Định.
- Khu vực Tân Phú: Thị trấn Tân Phú, 1 phần xã Trà Cổ.
- Khu vực huyện Vĩnh Cửu: Thị trấn Vĩnh An, xã Vĩnh Tân, xã Thạnh Phú, xã Thiện Tân, xã Tân An.
- Khu vực huyện Trảng Bom: Thị trấn Trảng Bom, xã Hố Nai 3, Xã Bắc Sơn, Bình Minh, Quảng Tiến, Giang Điền.
- Khu vực huyện Nhơn Trạch: Khu trung tâm huyện Nhơn Trạch, các KCN Nhơn Trạch, khu dân cư xã Hiệp Phước, Long Thọ, Phước An, Phước Thiện, Phú Hội (qua đồng hồ tổng của Công ty mẹ và Công ty Cấp nước Hố Cầu Mới).

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tốc độ phát triển kinh tế nhanh. Các trung tâm, thị trấn thị tứ, các đô thị và khu công nghiệp trong tỉnh ngày càng phát triển sẽ thúc đẩy ngành cấp nước phát triển theo để đáp ứng nhu cầu cấp nước cho sự phát triển đó. Căn cứ Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 21/01/2014. Do đó mục tiêu chủ yếu của Công ty là đầu tư các dự án cấp nước và phát triển khách hàng, Công ty sẽ tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh với các mục tiêu cụ thể:

- Đầu tư phát triển nguồn nước theo quy hoạch được duyệt từ các nguồn vốn vay ODA, vốn tự có, vốn vay thương mại, vốn vay ưu đãi, vốn huy động của khách hàng và vốn của các chủ đầu tư khác.
- Triển khai các dự án đầu tư hệ thống cấp nước để cung cấp cho các khu vực thị xã, thị trấn, khu vực dân cư tập trung để mở rộng phạm vi cung cấp nước và tăng đối tượng sử dụng nước sạch.
- Đầu tư nâng công suất các nhà máy nước bằng các hình thức mở rộng, cải tạo, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới.
- Có những giải pháp phát triển nguồn, mạng lưới cấp nước để đáp ứng nhu cầu phục vụ dân sinh và công nghiệp.

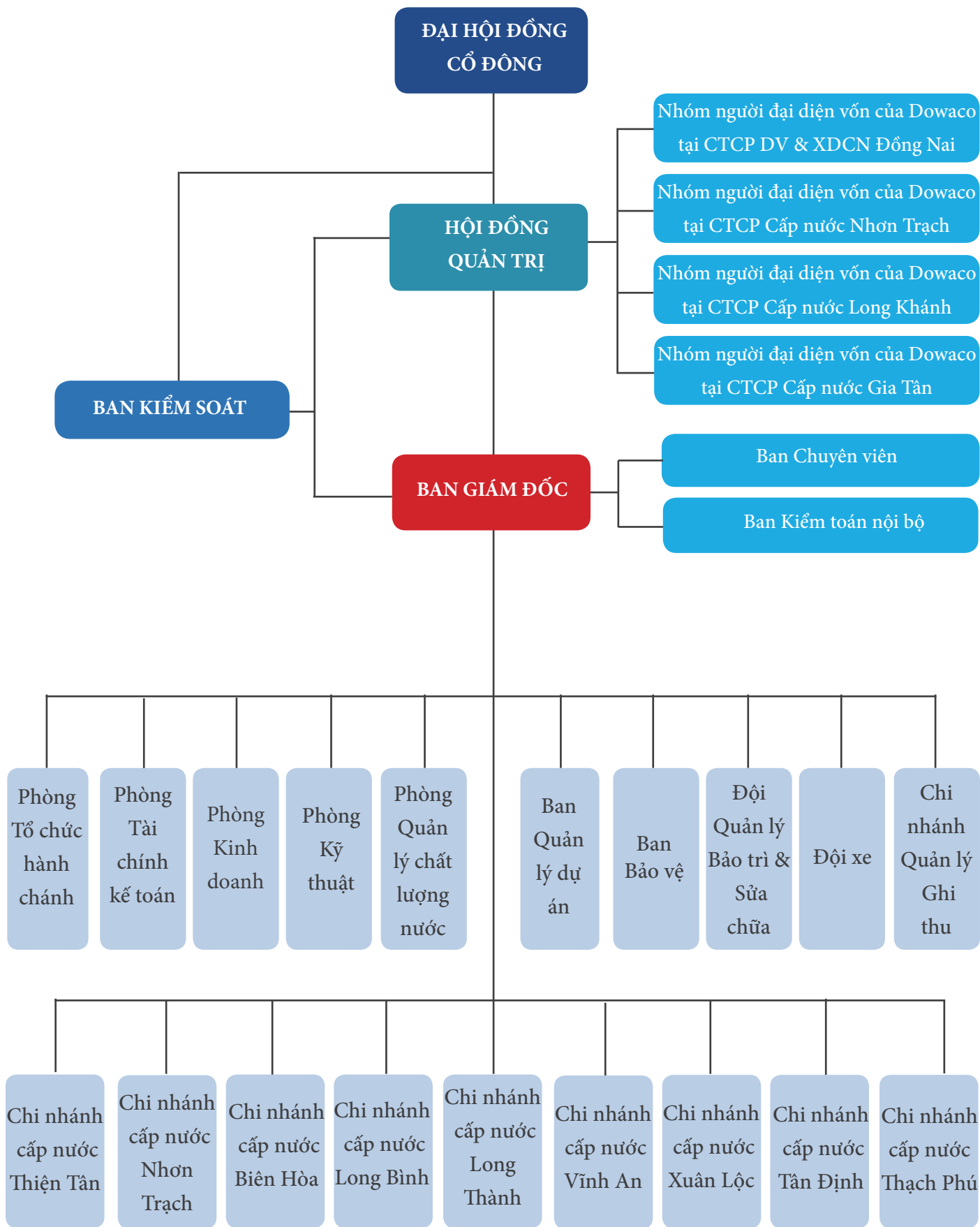
- Thực hiện nâng cao trình độ quản lý hệ thống cấp nước, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà máy nước, hệ thống phân phối, hệ thống quản lý khách hàng, áp dụng hình thức quản lý hệ thống chạy trên nền công nghệ Hệ thống thông tin địa lý (GIS).
- Quản lý tốt chất lượng vật tư, thiết bị, nguyên liệu, tài chính, nhân lực, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý để tăng cường chất lượng dịch vụ đối với khách hàng, đơn giản hóa thủ tục hành chính.
- Tăng cường chức năng bảo trì, sửa chữa thiết bị trên mạng lưới khi áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý.
- Hỗ trợ các Công ty cổ phần có vốn góp của Công ty về mặt kỹ thuật, nguồn vốn, nhân lực để các Công ty cổ phần đảm đương tốt nhiệm vụ phát triển và cung cấp nước đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của dân cư và khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh.
- Triển khai các nội dung có liên quan đến việc ra mắt sản phẩm nước uống tinh khiết đóng chai mang thương hiệu của Công ty; lập các phương án kinh doanh cho sản phẩm nước uống đóng chai và phương án cung cấp cây nước uống trực tiếp tại vòi cho các trường học.
- Đẩy mạnh công tác cộng đồng, truyền thông từ thiện xã hội theo hướng trực tiếp thiết thực từng bước xây dựng thương hiệu Cấp nước Đồng Nai gắn liền với cộng đồng.



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG CỦA CÔNG TY

- Là một doanh nghiệp sử dụng tài nguyên nước khá lớn trên địa bàn, Công ty xác định việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước là trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, ngoài việc phối hợp với các ngành chức năng để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, quan tâm công tác xả thải nhằm hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

STT	Thông tin	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	52,44%
	• Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	
	• Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch.	
	• Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. • Vốn DNW nắm giữ (tính đến 31/12/2019): 52.437.360.000 đồng.	
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	51,00%
	• Địa chỉ: Số 02 bis Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.	
	• Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, lọc nước và phân phối nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tại các khu dân cư, cung cấp nguồn nước phục vụ cho hoạt động công nghiệp.	
	• Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng. • Vốn DNW nắm giữ (tính đến 31/12/2019): 12.750.000.000 đồng.	

CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Thông tin	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	36,00%
	• Địa chỉ: Số 52 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	
	• Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch; lắp đặt đường ống cấp nước, thoát nước, bơm nước.	
	• Vốn điều lệ: 23.450.000.000 đồng. • Vốn DNW nắm giữ (tính đến 31/12/2019): 8.442.000.000 đồng.	
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	25,00%
	• Địa chỉ: Đường Gia Tân 1, ấp Dốc Mỏ 3, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.	
	• Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp; phân phối nước sạch.	
	• Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng. • Vốn DNW nắm giữ (tính đến 31/12/2019): 15.000.000.000 đồng.	

CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Nhìn chung, năm 2019 được các chuyên gia kinh tế thế giới nhận định là năm mà tình hình kinh tế và chính trị thế giới có nhiều biến động phức tạp. Năm 2019, kinh tế thế giới có phần tăng trưởng chậm lại. Hệ thống thương mại toàn cầu ngày càng bất ổn khi mà chiến tranh thương mại giữa Trung Quốc – Hoa Kỳ và các vấn đề chính trị ngày càng căng thẳng. Trong báo cáo Triển vọng Kinh tế công bố tháng 11/2019, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) cho biết tăng trưởng GDP thế giới đã giảm xuống 2,9% trong năm nay, mức thấp nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính 2008 - và dự kiến sẽ vẫn ở quanh mức 3% trong hai năm tới. Khác với tình hình của thế giới, GDP của Việt Nam tăng 7,02% so với năm trước và thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất toàn

cầu. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,72%, đóng góp 0,05 điểm phần trăm vào giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp năm 2019, đã tạo tiền đề cho sự phát triển của các Công ty Cấp nước.

Bên cạnh đó, tỉnh Đồng Nai còn thu hút đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký cấp mới và dự án tăng vốn dự ước năm 2019 là 1.450 triệu USD, đạt 145% so với kế hoạch, bằng 75,7% so với cùng kỳ. Nhìn chung, Đồng Nai đang khẳng định vị thế của mình khi dần trở thành một trung tâm công nghiệp, có giao thông thuận lợi,... giúp thu hút được nguồn đầu tư từ trong và ngoài nước. Sự phát triển của Đồng Nai là một nền tảng vững chắc cho sự phát triển của DNW nói riêng và các doanh nghiệp trong địa bàn tỉnh nói chung.

Rủi ro pháp luật

Tuân thủ quy định pháp luật là một trong những tiêu chí hàng đầu, là kim chỉ nam trong việc định hướng hoạt động của Công ty. Với những đặc thù của Công ty cổ phần hoạt động trong ngành cấp thoát nước, những hoạt động của Công ty đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, v.v... cùng với các quy định, tiêu chuẩn về an toàn và chất lượng nguồn nước. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh

doanh của Công ty. Ngày 26/11/2019 Quốc hội thông qua Luật Chứng khoán (sửa đổi) và sẽ có hiệu lực thi hành vào tháng 01/01/2021. Bên cạnh đó, ngày 10/04/2019, Chính phủ ban hành Nghị định 32/2019/NĐ-CP về Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Đối với DNW nói riêng và các Công ty hoạt động công ích nói chung thì những quy định này sẽ góp phần tạo một hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học để Công ty có thể hoạt động một cách hiệu quả; tuy nhiên, đó cũng là thách thức không nhỏ trong việc hoạt động của Công ty.

Rủi ro lạm phát

Năm 2015, lạm phát ở Việt Nam chạm đáy 0,63%, sau đó tăng lên trong các năm 2016, 2017, 2018. Đến năm 2019, lạm phát bình quân chỉ tăng 2,79% so với năm trước, mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm qua. Song, giai đoạn từ 2016 - 2019 đều trong tầm kiểm soát dưới 4% của Chính phủ. Việc chấm dứt thời kỳ lạm phát cao từ 2009 – 2013 bước vào thời kỳ lạm phát ổn định cho thấy hiệu quả trong việc điều hành và kiểm soát lạm phát của Việt Nam. Lạm phát ổn định sẽ không gây sức ép lên mặt bằng lãi suất, tỷ giá qua đó đảm bảo một môi trường vĩ mô ổn định, khuyến khích tiết kiệm và đầu tư. Đây cũng chính là yếu tố tác động đến các doanh nghiệp nói chung và DNW nói riêng.

Rủi ro lãi suất

Lãi suất cho vay bằng VND tiếp tục duy trì ở mức 6% - 9% đối với khoản vay ngắn hạn, 9% - 11% đối với khoản vay trung và dài hạn. Trong năm 2019, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) cũng đã thực hiện cắt giảm lãi suất lần thứ 03, hiện xuống mức 1,5% – 1,75%/năm. Sau đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng có ban hành Quyết định số 2415 và 2416/QĐ- NHNN liên quan đến việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa của các tổ chức tín dụng. Với việc mức lãi suất được kiểm soát khá tốt nên sẽ không ảnh hưởng quá nhiều đến các hoạt động tài chính, cũng như khả năng trả nợ của Công ty. Tuy nhiên, Công ty vẫn luôn theo dõi thường xuyên để có thể đề ra các biện pháp để ứng phó kịp thời khi lãi suất có biến chuyển lớn so với ban đầu. Ngoài ra, tăng trưởng tín dụng năm 2019 đạt 12,1% và huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,5% cho thấy đà tăng trưởng vẫn tiếp tục duy trì so với cùng kỳ, giúp các tổ chức tín dụng tiếp tục ổn định thanh khoản, đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế và đảm bảo tỷ lệ tín dụng ở mức an toàn. Đó là một dấu hiệu tích cực cho các doanh nghiệp đang vay vốn như DNW.

Rủi ro tỷ giá

DNW có những dự án cấp nước có giá trị lớn được đầu tư bằng nguồn vốn vay ODA với thời gian vay dài, lãi suất thấp. Tuy nhiên, trong quá trình chi trả lãi vay bằng yên Nhật Bản hoặc won Hàn Quốc thì tỷ giá luôn có biến động (ngoài khả năng quản trị của Công ty). Khi đó, áp lực trả nợ vay và lãi vay của các dự án đầu tư phát triển Hệ thống cấp nước bằng các nguồn vốn vay ODA cũng như những dự án vay từ các tổ chức tín dụng trong nước sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty cần phải tính toán, cân đối và đề ra các giải pháp thực hiện nhằm phát huy hết công suất của các nhà máy nước, tăng sản lượng ghi thu, tăng doanh thu, giảm chi phí để có nguồn trả nợ.



CÁC RỦI RO

Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là nguồn nước mặt, nước ngầm tự nhiên. Nguồn nước thô nguyên liệu chủ yếu đến từ sông Đồng Nai, hồ Trị An, Gia Ui,... Hiện nay, nguồn nước đang chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi hai mùa mưa nắng khác nhau và có nguy cơ bị suy thoái về cả chất lượng và trữ lượng. Ngoài ra, hoạt động sản xuất nông, công nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước.

Các nhà máy sản xuất chưa có hệ thống xử lý nước thải phù hợp, hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như phân bón, thuốc trừ sâu và đặc biệt là ý thức của người dân về việc xả rác bừa bãi dọc theo các sông cũng gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước ngầm. Tình trạng ô nhiễm nước do hoạt động sinh hoạt của người dân, hoạt động nông nghiệp và công nghiệp này đã và đang tạo ra thách thức không nhỏ cho Công ty trong việc đảm bảo nguồn nước sạch cung cấp.

b) Rủi ro tỷ lệ thất thoát nước

Như các Công ty cấp nước khác, DNW vẫn luôn phải đối mặt với tỷ lệ thất thoát nước của Công ty tính đến cuối năm 2019 là 18,1%. Mặc dù đã giảm đáng kể nhưng vẫn còn ở mức cao so với các đơn vị bạn. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thất thoát nước là do rò rỉ trong mạng ống nước theo các mối nối, bể vỡ đường ống nước hay bị đấu ống trái phép để trộm nước. Ngoài ra, việc khách hàng mở van đồng hồ đo lưu lượng nước nhỏ, gian lận sử dụng nước sạch không qua đồng hồ, sử dụng sai mục đích,.. cũng gây ra tỷ lệ thất thoát nước cao và ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như lãng phí nguồn tài nguyên thiên nhiên quốc gia. Nhằm hạn chế rủi ro thất thoát nước này, Công ty đã tiến hành thực hiện công tác giám sát thi công và chống thất thoát; thực hiện quản lý mạng lưới tuyến ống, tài sản bằng ứng dụng công nghệ thông tin (GIS). Bên cạnh đó, giám sát thi công các tuyến ống hộ hùn, đồng hồ khách hàng đảm bảo đúng hồ sơ thiết kế và giám sát chặt chẽ các sự cố, thất thoát trên các tuyến ống cấp nước của Công ty vận hành và khai thác.



c) Rủi ro giá cả đầu ra

Giá nước đầu ra của Công ty phải chịu sự kiểm soát của các cấp chính quyền, cụ thể giá nước máy hiện nay DNW đang áp dụng được xây dựng trên mặt bằng giá năm 2014 theo Quyết định số 20/2014/QĐ – UBND ngày 23/05/2014. Tính đến thời điểm này, tất cả các chi phí nguyên liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất nước máy tăng đều cao, cụ thể: giá điện, vật tư nguyên vật liệu, nhân công,... Những yếu tố này đã làm cho giá thành sản xuất nước của Công ty tăng nhiều so với năm 2014. Với phương án giá đã được phê duyệt, nếu không kiểm soát được tỷ lệ thất thoát nước, chi phí vận hành hệ thống và khả năng gìn giữ nguồn nguyên liệu nước thô vốn đang ngày càng khan hiếm, Công ty sẽ chịu nhiều rủi ro về giá. Như vậy để duy trì được nguồn lợi nhuận tốt nhất thì Công ty phải luôn chủ động theo dõi, kiểm soát tốt chi phí đầu vào.

Rủi ro khác

Công ty có thể phải đối mặt với những rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... Vì vậy, Công ty cần phải luôn luôn có những biện pháp ứng phó kịp thời để giảm tối đa tổn thất khi các rủi ro đó xảy ra.



PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 24
- Tổ chức và nhân sự 25
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án 30
- Tình hình tài chính 33
- Cơ cấu cổ đông 35
- Báo cáo phát triển bền vững 36

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Sản lượng

DVT: triệu đồng

Khoản mục	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% Thực hiện 2019/ Kế hoạch 2019	% Thực hiện 2019/ Thực hiện 2018
Sản lượng nước sản xuất (m³)	118.130.470	119.145.000	121.877.620	102,29%	103,17%

Kết quả hoạt động kinh doanh

DVT: triệu đồng

Khoản mục	Kế hoạch 2019 (Công ty mẹ)	Thực hiện 2018 Công ty mẹ	Thực hiện 2018 Hợp nhất	Thực hiện 2019 Công ty mẹ	Thực hiện 2019 Hợp nhất	% Thực hiện 2019/ Thực hiện 2018 (Hợp nhất)	% Thực hiện 2019/ Kế hoạch 2019 (Công ty mẹ)
Tổng doanh thu	920.000	934.056	1.024.484	961.745	1.085.195	105,93%	104,54%
Lợi nhuận trước thuế	165.000	158.231	176.572	167.596	183.711	104,04%	101,57%
Lợi nhuận sau thuế	134.000	137.013	149.280	151.833	164.185	109,98%	113,31%

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất năm 2019

Nhìn chung tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty đạt những kết quả đáng khích lệ, góp phần vào thành tích chung cho ngành cấp nước của tỉnh Đồng Nai. Trong năm, DOWACO tiếp tục thực hiện khai thác, xử lý và cung cấp nước đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nước sạch trong sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn phục vụ. Đồng thời, nhờ vào việc mở rộng sản xuất kinh doanh, tổng doanh thu của Công ty năm 2019 đã tăng thêm 60.711 triệu đồng, tăng 5,93% so với năm 2018. Cùng với đó, lợi nhuận sau thuế của đạt 164.185 triệu đồng, tăng 9,98% so với năm trước. Đối với Công ty mẹ, các số liệu đều đạt theo kế hoạch đề ra. Trong năm 2019, sản lượng nước sản xuất đạt 121.877.620 m3 vượt 2,29% kế hoạch đề ra.

Cơ cấu doanh thu

DVT: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu cung cấp nước	942.791	93,20%	1.034.682	96,49%
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	68.811	6,80%	37.630	3,51%
Tổng cộng	1.011.602	100%	1.072.312	100%

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2019

Cũng như năm 2018, doanh thu cung cấp nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu năm 2019, cụ thể chiếm 96,49%. Trong năm, Công ty đã tiến hành tăng cường công tác phát triển khách hàng tại các khu vực do nhà máy nước Vĩnh Cửu (15.000m3/ngày) và dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân (giai đoạn 2) cung cấp; khu vực huyện Long Thành và các khu vực trên địa bàn hoạt động của Công ty. Nhờ đó, doanh thu mảng kinh doanh này tăng thêm gần 92 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại, doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt có phần giảm, cụ thể giảm hơn 31 tỷ đồng. Tuy vậy, doanh thu của Công ty vẫn tăng hơn 6% so với năm 2018.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Phạm Thị Hồng	Giám đốc
2	Đặng Văn Chất	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Văn Bính	Phó Giám đốc
4	Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng

Lý lịch Ban Điều hành

BÀ PHẠM THỊ HỒNG - GIÁM ĐỐC

- Năm sinh: 1979.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 25.000.000 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 25.000.000 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ.

ÔNG ĐẶNG VĂN CHẤT - PHÓ GIÁM ĐỐC

- Năm sinh: 1977.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu đường.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 0 cổ phần.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

ÔNG NGUYỄN VĂN BÌNH - PHÓ GIÁM ĐỐC

- Năm sinh: 1960.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Cấp thoát nước.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 10.035.700 cổ phần, chiếm 10,04% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 35.700 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 10.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.

BÀ NGUYỄN THU OANH - KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Năm sinh: 1969.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 28.800 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 28.800 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2019

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phan Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc		01/04/2019
2	Phạm Thị Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	01/04/2019	
3	Lê Duy Diệp	Thành viên HĐQT		01/04/2019
4	Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên HĐQT		01/04/2019
5	Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT	01/04/2019	
6	Phạm Thị Hồng	Trưởng ban Ban kiểm soát		01/04/2019
7	Nguyễn Công Hiếu	Trưởng ban Ban kiểm soát	01/04/2019	
8	Phan Thùy Đoan	Thành viên Ban kiểm soát		01/04/2019
9	Nguyễn An Quốc	Thành viên Ban kiểm soát	01/04/2019	
10	Lê Duy Diệp	Phó Giám đốc		01/06/2019
11	Đặng Văn Chất	Phó Giám đốc	01/06/2019	
12	Nguyễn Xuân Thịnh	Phó Giám đốc		01/10/2019

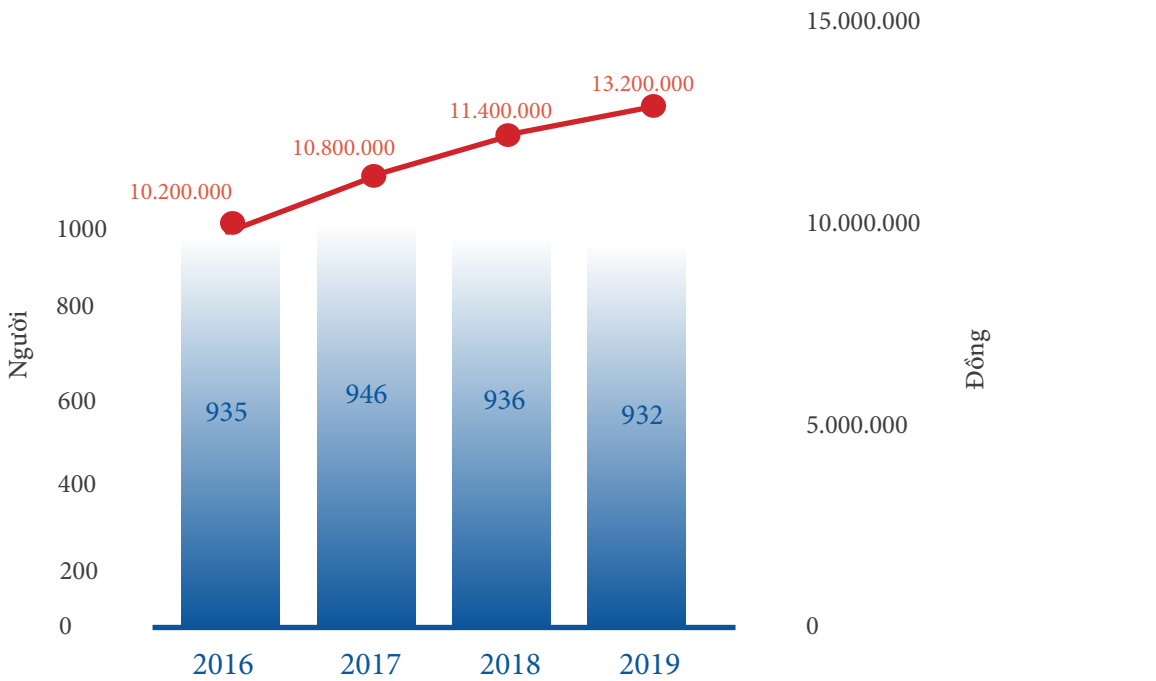
Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	932	100,00
1	Trình độ đại học, trên đại học	503	53,97
2	Trình độ cao đẳng	41	4,40
3	Trình độ trung cấp	90	9,66
4	Công nhân kỹ thuật	55	5,90
5	Lao động phổ thông	243	26,07
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	932	100,00
1	Hợp đồng không thời hạn	778	83,48
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	150	16,09
3	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	4	0,43
III	Theo giới tính	932	100,00
1	Nam	620	66,52
2	Nữ	312	33,48

- » **Theo trình độ:** Trong những năm qua, chất lượng đội ngũ cán bộ công nhân viên đã được nâng cao rõ rệt. Nhờ vào việc thường xuyên đưa các cán bộ quản lý, nhân viên đi đào tạo nâng cao, số nhân viên trình độ đại học và trên đại học chiếm hơn 50% trong tổng số. Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực cấp nước nên lao động phổ thông của Công ty chiếm tỷ trọng đứng thứ 2 trong tổng số, cụ thể 26,07%.
- » **Theo tính chất hợp đồng:** Với quá trình hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành cấp nước, Công ty đang cố gắng xây dựng đội ngũ lao động ổn định, chất lượng, có kinh nghiệm để có thể hoàn thiện bộ máy quản lý tốt nhất. Do đó số lượng nhân công ký hợp đồng không xác định thời hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm hơn 83% trong 932 lao động của Công ty.
- » **Theo giới tính:** Công tác phân bổ nguồn lao động theo giới tính của Công ty có tỷ lệ giữa nam giới và nữ giới lần lượt là 66,52% và 33,48%. Với tính chất công việc yêu cầu cần vận hành máy móc và thường xuyên hoạt động ở ngoài trời, di chuyển nhiều nên lượng lao động của Công ty chủ yếu là nam giới phù hợp với hoạt động của Công ty.

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số lượng người lao động (người)	935	946	936	932
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.200.000	10.800.000	11.400.000	13.200.000

Thu nhập bình quân



Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Chính sách nhân sự

Về đào tạo:

Công ty đã đặc biệt chú trọng đến công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua việc triển khai hiệu quả chính sách đào tạo, nâng cao hiểu biết, trình độ nghiệp vụ cho CBCNV. Công tác đào tạo được tiến hành đồng thời tại Công ty và cử CBCNV tham gia đào tạo ngoài Công ty thông qua các hình thức trao đổi, học tập kinh nghiệm, tham gia các khóa đào tạo, tập huấn do Chi hội cấp nước Miền Nam và các tổ chức đào tạo tổ chức. Ngoài ra, Công ty thường xuyên tổ chức các hội thảo kỹ thuật nội bộ liên quan đến lĩnh vực cấp nước an toàn nhằm chia sẻ kinh nghiệm, đề ra các giải pháp ứng dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên kỹ thuật.

Đào tạo không những với mục đích nâng cao trình độ cho CBCNV mà còn để mỗi nhân viên đều trở thành một đại diện xứng đáng của Công ty. Thông qua hệ thống đào tạo, Công ty sẽ góp phần vào việc nâng cao chất lượng nhân sự của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung.

Trong năm 2019 Công ty đã cử CBCNV tham dự hội thảo, hội nghị (10 Hội thảo với 91 lượt người):

- + Đánh giá lại kết quả thẩm tra của Trung tâm nghiên cứu công nghệ và thiết bị công nghiệp.

+ Kết nối cung cầu công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc.

+ Giải pháp số hóa Siemens cho ngành nước.

+ Trao đổi các nội dung về công tác nhân sự và kế toán.

+ Công tác quản lý tài nguyên và môi trường.

+ Hội thảo Vietwater 2019 do Hội cấp thoát nước Việt Nam tổ chức.

+ Chuyên đề giải pháp quan trắc, cảnh báo sớm độc chất bằng chỉ thị sinh học.

- Trong năm 2019 Công ty đã cử CBCNV tham dự tập huấn, đào tạo (22 khóa nghiệp vụ với 812 lượt người) như sau:

+ Lập kế hoạch kinh doanh.

+ Giải quyết mâu thuẫn - xung đột trong doanh nghiệp.

+ Giám sát thi công xây dựng công trình.

+ Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

+ Nghiệm thu thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình.

+ Hợp đồng trong xây dựng.

+ Đấu thầu cơ bản.

+ Đấu thầu qua mạng.

+ Thẩm định kết quả đấu thầu.

+ Định giá xây dựng.

+ Quản lý chất lượng và bảo trì công trình.

+ Nâng cao quản lý chi phí và cơ chế chính sách đầu tư xây dựng.

+ Tư vấn thiết kế công trình xây dựng.
- + Đăng ký dự sát hạch chứng chỉ hành nghề các lĩnh vực như: Giám sát công tác xây dựng công trình và hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế cấp - nước công trình; Quản lý dự án; Thiết kế cơ điện công trình; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Định giá xây dựng.

+ Tham dự huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy - An toàn vệ sinh lao động.

+ Truyền thông nội bộ.

+ Hệ thống KPI.

+ Cập nhật các quy định mới về công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng, ban hành tại Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ.

+ Kỹ năng giao tiếp và ứng xử khách hàng.

+ Nghiệp vụ đấu thầu qua mạng.

+ Hướng dẫn thực hiện phần mềm giám sát trên điện thoại và quản lý khách hàng.

+ Tập huấn tuyên truyền pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán do Cơ quan đại diện Văn phòng Ủy ban chứng khoán Nhà nước tổ chức.

+ Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh năm 2019.

+ Tham gia sát hạch chứng chỉ hành nghề các lĩnh vực do Trung tâm đào tạo bồi dưỡng ngành nước Việt Nam tổ chức. Số người tham gia: 14 người.

+ Sát hạch thi công, lắp đặt và sửa chữa đường ống do Công ty tổ chức.

+ Học tập công nghệ và xử lý nước tại Osaka Nhật Bản do Cục Cấp nước Osaka tổ chức.

Về lương, thưởng:

Công ty đã xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn của CBCNV nhằm ghi nhận đúng mức năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân, đồng thời tạo động lực khuyến khích CBCNV phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả phụ cấp làm đêm và lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động năm 2012.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên khen thưởng, tuyên dương các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong quá trình hoạt động nhằm ghi nhận những thành tích đạt được, cũng như khuyến khích cán bộ công nhân viên trong Công ty. Năm 2019, Công ty đã ban hành các văn bản về chính sách tiền lương cho người lao động như sau:

- » Quyết định số 07/QĐ-CN ngày 17/01/2019 của Giám đốc Công ty về việc ban hành bảng lương năm 2019 (Thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2019).
- » Quy chế Tiền lương, thù lao và tiền thưởng được ban hành theo Quyết định số 28/QĐ-HĐQT ngày 30/5/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.
- » Quyết định số 200/QĐ-CN ngày 09/09/2019 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai V/v tăng phụ cấp tiền ăn cho người lao động (Thời gian áp dụng kể từ tháng 09/2019).

Dự kiến năm 2020:

- » Ngay từ Quý IV năm 2019 Công ty xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đề ra các chỉ tiêu phấn đấu cho năm 2020. Trên cơ sở đó Công ty đã xác định tổng số lao động kế hoạch là 933 người, tổng quỹ lương là 152,4 tỷ đồng, mức thu nhập bình quân của người lao động là 13,6 triệu đồng/người/tháng.
- » Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và các nguồn quỹ hiện có, Công ty cố gắng duy trì, đảm bảo thu nhập, mức thưởng cho người lao động bằng hoặc cao hơn kế hoạch năm 2020.

Về phúc lợi, đãi ngộ:

- Người sử dụng lao động tại Công ty đã thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ký kết với đại diện tập thể lao động theo Thỏa ước lao động tập thể 2019 - 2021.
- Tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc của người lao động là một nhiệm vụ không thể thiếu của một doanh nghiệp, vì vậy Ban lãnh đạo, các tổ chức đoàn thể Công ty luôn quan tâm đến chế độ, quyền lợi của người lao động.
- Công ty thực hiện trích các bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định pháp luật; chế độ nâng bậc lương, bậc thợ, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi; chế độ thai sản, ốm đau, nghỉ phép, lễ cũng đều được đảm bảo.
- Công ty định kỳ tổ chức các hoạt động thể dục thể thao nhằm tạo không khí thi đua sôi nổi, rèn luyện sức khỏe để phục vụ sản xuất. Sử dụng các nguồn quỹ hiện có để tặng quà cho người lao động và con người lao động trong các dịp Lễ, Tết.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2):

- Mục đích dự án: Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, sinh hoạt của các khu công nghiệp, khu dân cư từ thành phố Biên Hòa đến các đô thị và khu công nghiệp thuộc các huyện Long Thành và Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Quy mô: Nâng công suất của Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch thêm 100.000m³/ngày.
- Thời gian thực hiện: 2015-2021.
- Tình hình thực hiện: Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế chi tiết và trình Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ. Hoàn thành công tác thẩm tra và phê duyệt chi phí thẩm tra dự toán phát sinh (khảo sát xây dựng bổ sung và chi phí tư vấn thiết kế cho đàn cào bùn).
- Tổng mức đầu tư: 3.567.712.000.000 đồng.

Hệ thống cấp nước xã Bình Sơn, huyện Long Thành

- Mục đích dự án: Đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch cho ăn uống, sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất và các hoạt động khác của nhân dân xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Quy mô, công suất: Xây dựng các tuyến ống chuyển tải và phân phối nhân dân xã Bình Sơn bằng ống HDPE có đường kính từ OD90 – OD315 với tổng chiều dài 11.318m và các phụ tùng, thiết bị trên tuyến.
- Thời gian thực hiện: 2017 – Quý I/2019.
- Tình hình thực hiện dự án: Đã thi công hoàn thành & bàn giao đưa vào sử dụng gói thầu xây lắp vào ngày 28/3/2019.
- Tổng mức đầu tư: 14.830.884.547 đồng.
- Nguồn vốn đầu tư cho dự án: vốn hợp pháp của Công ty và vốn vay thương mại.

Hệ thống cấp nước xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu

- Mục đích dự án: Đáp ứng nhu cầu dùng nước của dân cư sống dọc theo đường ĐT768 và các hẻm đông dân cư dọc đường ĐT768 khu vực xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Quy mô đầu tư: Xây dựng mạng lưới đường ống chuyển tải và phân phối hai bên dọc đường TL768 và một số tuyến hẻm nhánh trên các tuyến đường gồm khoảng 20.801m ống và các phụ tùng trên tuyến với 2 hạng mục xây lắp sau:
 - Hạng mục 1: Tuyến ống đã thi công hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng vào tháng 7/2018.
 - Hạng mục 2 - Hạng mục điều chỉnh: Tuyến ống đường ĐT768 và các đường nhánh với tổng chiều dài 11.067m, bao gồm các loại ống HDPE OD180-125-90-25 và các phụ kiện.
- Thời gian thực hiện: Năm 2012 - 2020.
- Tình hình thực hiện dự án:
 - Gói thầu xây lắp - Tuyến ống đường ĐT768 & các đường nhánh đã thi công hoàn thành, nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng vào tháng 7/2018.
 - Công ty đã thực hiện hoàn thành thẩm định, phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 218/QĐ-CN ngày 25/9/2019. Hiện nay, đã hoàn thành công tác lập, thẩm tra hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng hạng mục điều chỉnh.
- Tổng mức đầu tư: 52.283.971.498 đồng.
- Nguồn vốn đầu tư cho dự án: Nguồn vốn hợp pháp và vốn vay thương mại của Công ty.



Hệ thống cấp nước xã Long An, huyện Long Thành

- Mục đích dự án: Đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch cho ăn uống, sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất và các hoạt động khác của nhân dân ấp 1, ấp 2 và ấp Xóm Gốc (khu vực 1); ấp 4, ấp Bưng Môn và ấp An Lâm (khu vực 2) thuộc xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Quy mô, công suất: Xây dựng các tuyến ống chuyển tải và phân phối trên đường Bưng Môn, các đường hẻm thuộc giáo xứ Thái Lạc và Quốc lộ 51 cho các ấp 1, ấp 2, Xóm Gốc; ấp 4, ấp Bưng Môn và ấp An Lâm bằng ống HDPE có đường kính từ OD63 – OD225 với tổng chiều dài 12.703m và các phụ tùng, thiết bị trên tuyến.
- Thời gian thực hiện: 2017 – Quý I/2019.
- Tình hình thực hiện: Đã thi công hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng gói thầu xây lắp vào ngày 01/02/2019.
- Tổng mức đầu tư: 13.572.572.012 đồng.
- Nguồn vốn đầu tư cho dự án: Vốn hợp pháp của Công ty và vốn vay thương mại.

Nâng công suất Nhà máy nước Gia Ray từ 7.000m³/ngày lên 15.000m³/ngày

- Mục đích dự án: Nhằm bổ sung nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu dùng nước theo từng giai đoạn phát triển cho nhân dân thị trấn Gia Ray và các xã Xuân Hiệp, Suối Cát, Xuân Trường thuộc huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- Quy mô đầu tư: Xây dựng mới công trình xử lý nước 8.000m³/ngày để nâng công suất Nhà máy nước Gia Ray từ 7.000m³/ngày lên 15.000m³/ngày.
- Thời gian thực hiện: năm 2017 – 2020.
- Tình hình thực hiện dự án: Trong năm 2019, đã thực hiện hoàn thành các công tác lập, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công – Dự toán xây dựng công trình tại Quyết định số 225/QĐ-CN ngày 27/9/2019. Ngày 07/11/2019, đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (gói thầu xây lắp và các gói thầu tư vấn). Hiện nay, Tổ chuyên gia đấu thầu đã hoàn thành Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu (phần đề xuất kỹ thuật) của 4 nhà thầu tham dự và đang trình thẩm định, phê duyệt.
- Tổng mức đầu tư: 29.566.489.495 đồng.
- Nguồn vốn đầu tư cho dự án: Vốn hợp pháp của Công ty và vốn vay thương mại.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Hệ thống cấp nước 3 xã Bình Lợi, Bình Hòa, Tân Bình huyện Vĩnh Cửu

- Mục đích dự án: Việc đầu tư xây dựng các tuyến ống cấp nước cho 03 xã Bình Hòa, Tân Bình, Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai sẽ phát huy hiệu quả của các dự án đã đầu tư trước đây, đồng thời để cấp nước an toàn (tạo ra mạng vòng cấp nước giữa các nhà máy nước Thiện Tân – Vĩnh Cửu – Biên Hòa). Dự án sẽ cung cấp đủ lưu lượng nước cho các nhu cầu sử dụng của nhân dân các xã Bình Hòa, Tân Bình và một phần xã Bình Lợi (các khu dân cư dọc Hương lộ 15).
- Quy mô đầu tư: Xây dựng mạng lưới đường ống chuyển tải và phân phối hai bên dọc đường ĐT768 và Hương lộ 15 gồm khoảng 14.585m ống các loại và các phụ tùng, thiết bị trên tuyến gồm các loại ống HDPE OD400-OD280-OD110-OD63, ống thép D250 và ống thép D100.
- Thời gian thực hiện: Năm 2019 - 2020.
- Tình hình thực hiện dự án: Trong năm 2019, đã hoàn thành các công tác lập, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình. Đến nay, Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường đã nộp lần 1 hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công – Dự toán xây dựng công trình. Hiện đang gửi trình thẩm tra, thẩm định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công.
- Tổng mức đầu tư: 27.114.793.196 đồng.
- Nguồn vốn đầu tư cho dự án: Vốn tự có của Công ty và vốn vay thương mại.

Lắp đặt bổ sung Máy bơm nước thô tại Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú

Tình hình thực hiện: Tổng Công ty Sonadezi đã có Văn bản số 495/SNZ-DAKD ngày 10/9/2019 chấp thuận chủ trương đầu tư Lắp đặt bổ sung Máy bơm nước thô tại CNCN Thạnh Phú để đảm bảo cấp nước an toàn, hiệu quả và thuận tiện trong quản lý vận hành, bảo trì, sửa chữa cho HTCN Thiện Tân I + II và HTCN Nhơn Trạch I.

Nhà điều hành và trạm bơm tăng áp Long Thành

- Mục đích dự án dự kiến: Việc đầu tư xây dựng nhà điều hành nhằm tạo cơ sở vật chất cho cán bộ, nhân viên của Chi nhánh Cấp nước Long Thành.
- Quy mô đầu tư dự kiến: Xây dựng nhà điều hành cho Chi nhánh Cấp nước Long Thành.
- Thời gian thực hiện: Năm 2019 – 2020.
- Tình hình thực hiện dự án: Trong năm 2019, đã hoàn thành các công tác chọn thầu 2 gói thầu: gói thầu Khảo sát xây dựng và gói thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật. Đến nay, các đơn vị tư vấn đã thực hiện hoàn thành. Hiện nay, Tổ đấu thầu Công ty đang thực hiện công tác chọn thầu đơn vị thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công – Dự toán xây dựng công trình .
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 9.028.371.000 đồng.
- Nguồn vốn đầu tư cho dự án: Vốn tự có của Công ty và vốn vay thương mại.

Cải tạo Hệ thống dàn cào bùn bể lắng 1 và bể lắng 2 thuộc Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch

Tình hình thực hiện: Cải tạo Hệ thống dàn cào bùn bể lắng 1 và bể lắng 2 thuộc Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch (cho cả 2 đơn nguyên, 12 ngăn bể) do bị hư hỏng và lựa chọn thay thế bằng dàn cào bùn tương tự như của Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn II. Hiện Đơn vị Tư vấn đã khảo sát thực tế hiện trường, lập và gửi Chủ đầu tư thiết kế sơ bộ và tổng mức đầu tư Xây dựng. Các phòng ban trong công ty đã có ý kiến đóng góp cho phương án thiết kế sơ bộ và khái toán chi phí.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% 2019/2018
1	Tổng giá trị tài sản	3.804.164	3.677.407	96,67%
2	Doanh thu thuần	1.011.370	1.072.289	106,02%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	171.662	180.094	104,91%
4	Lợi nhuận khác	4.910	3.617	73,67%
5	Lợi nhuận trước thuế	176.572	183.711	104,04%
6	Lợi nhuận sau thuế	149.280	164.185	109,98%

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2019

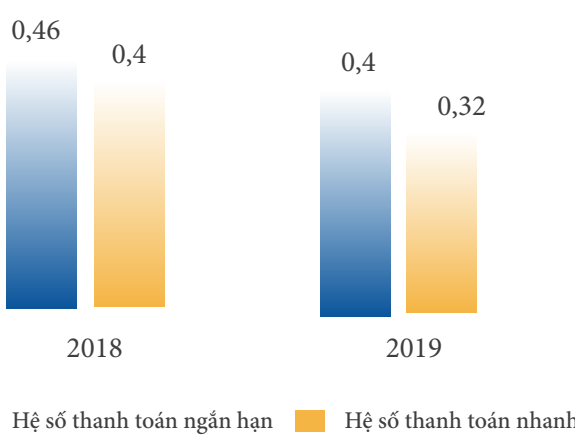
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,46	0,40
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,40	0,32
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	63,61	60,74
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	174,90	154,90
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	13,43	16,05
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,27	0,29
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,76	15,31
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,16	11,62
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,98	4,39
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	16,97	16,80

Nguồn: tính toán từ BCTC Hợp nhất năm 2019

Chỉ tiêu khả năng thanh toán:

Năm 2019, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty lần lượt là 0,40 và 0,32. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán đều giảm so với năm trước. Nguyên nhân do tài sản ngắn hạn giảm 16,43% so với cùng kỳ, chủ yếu từ khoản phải thu ngắn hạn từ các khách hàng như Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân, Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh và các công ty cùng tập đoàn giảm hơn 14 tỷ đồng; đồng thời, Công ty không còn khoản trả trước cho Công ty Kumho Industrial hơn 64 tỷ đồng như năm 2018. Nhìn chung, các chỉ số này thấp do việc phải tập trung trả nợ vay vốn ODA đến hạn trong khi các dự án mới chưa phát huy hết công suất. Mặt khác, việc sử dụng nguồn vốn đầu tư từ các khoản vay trong những năm vừa qua chưa được hợp lý.



Chỉ tiêu cơ cấu vốn:

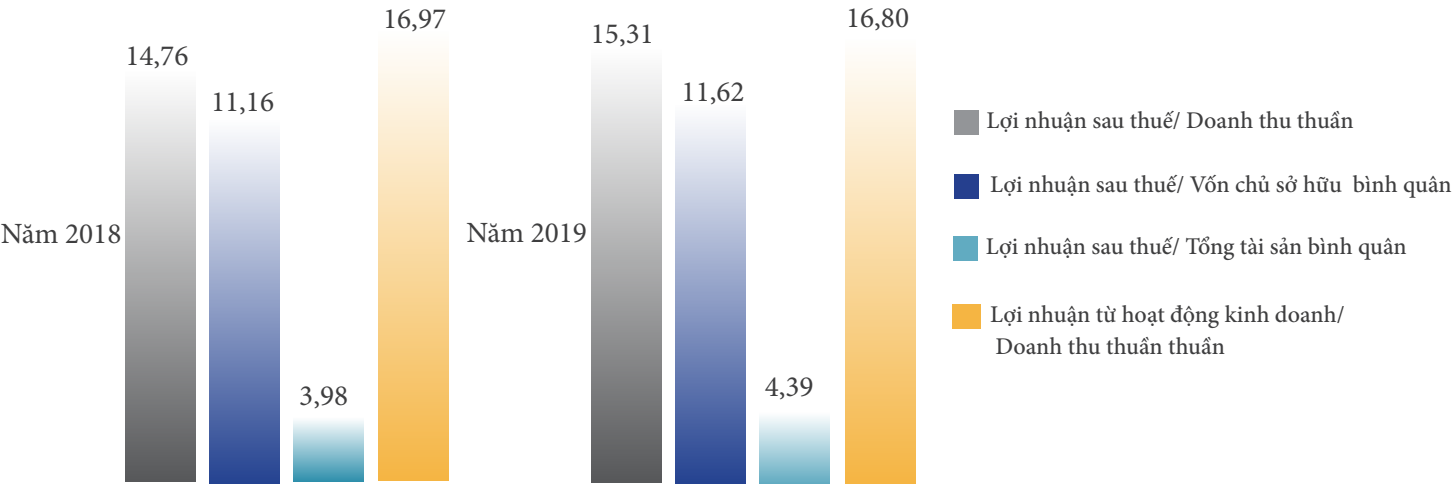
Trong nhiệm kỳ 05 năm qua, Công ty tập trung đầu tư một số dự án lớn như Thiện Tân giai đoạn 2, Nhơn Trạch giai đoạn 1, Nhơn Trạch giai đoạn 2. Vì vậy, việc Công ty phải vay vốn để thực hiện các dự án lớn này đã làm tỷ lệ nợ phải trả chiếm tỷ trọng tương đối lớn, trong đó các khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn chiếm hơn 90% trong cơ cấu nợ. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến Hệ số nợ/ Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu khá cao, lần lượt là 60,74% và 154,90% trong năm 2019. Tuy nhiên, dưới sự nỗ lực hoạt động của Công ty, nợ phải trả trong năm giảm hơn 186 tỷ đồng, tương đương giảm 7,7%. Điều này làm cho Hệ số nợ/ Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu cũng giảm lần lượt 2,87% và 20% so với năm 2018.

Chỉ tiêu năng lực hoạt động:

Vòng quay hàng tồn kho năm 2019 có sự gia tăng, cụ thể tăng 2,62 vòng; nhờ đó có thể thấy được công tác quản trị hàng tồn kho của Công ty đang diễn ra tốt. Trong năm 2019, hàng tồn kho hơn 43 tỷ đồng, tăng 9,41% so với năm 2018; nguyên nhân tăng do nguyên liệu, vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh tăng từ 37 tỷ đồng lên 38 tỷ đồng và chi phí sản xuất dở dang tăng từ 2 tỷ đồng lên 5 tỷ đồng. Năm 2019, vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ 0,02 vòng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do tổng tài sản có phần giảm, cụ thể giảm hơn 3%. Trong khi đó, doanh thu thuần của Công ty tăng 6,02% nhờ hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Nhìn chung, vòng quay tổng tài sản thì không có sự thay đổi nhiều qua các năm, cho thấy năng lực hoạt động của Công ty đang giữ mức ổn định.

Chỉ tiêu khả năng sinh lời:

Năm 2019, Công ty đã mở rộng sản xuất kinh doanh và hoàn thành, đưa vào sử dụng hệ thống cấp nước xã Long An - huyện Long Thành, hệ thống cấp nước xã Bình Sơn - huyện Long Thành. Đồng thời, Công ty đã thực hiện tốt các biện pháp tiết giảm chi phí và giảm tỷ lệ thất thoát nước. Đến cuối năm 2019, tỷ lệ thất thoát nước của Công ty là 18,1%. Nhờ đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 164.185 triệu đồng, tăng 9,98% so với năm 2018. Chính những điều này đã giúp cho các Chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều tăng so với năm trước, cụ thể ROS, ROE, ROA lần lượt tăng 0,55%, 0,46% và 0,41%.; Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần giảm nhẹ 0,17%.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 100.000.000.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 100.000.000.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 06/09/2019)

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	728	100.000.000	1.000.000.000.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	5	94.446.733	304.576.330.000	94,45%
2	Cổ đông cá nhân	723	5.553.267	55.532.670.000	5,55%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-

Danh sách cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	63.989.100	639.891.000.000	63,99%
2	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	Số 11, Ngõ Văn Trị, P. Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương.	17.700.000	177.000.000.000	17,70%
3	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Số 11B, Ngõ Văn Trị, P. Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương.	12.050.833	120.508.330.000	12,05%
Tổng cộng			93.739.933	937.399.330.000	93,74%

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU:

Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và có thể tái chế, tái sử dụng được. Bên cạnh đó, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG:

Năng lượng mà Công ty tiêu thụ chủ yếu điện năng. Công ty sử dụng điện năng để vận hành các máy bơm, cung cấp điện chiếu sáng cho khu vực nhà máy, văn phòng. Do đó, trước khi thực hiện kế hoạch khai thác và kinh doanh dịch vụ, DNW luôn chú ý để có thể sử dụng điều độ và hợp lý nguồn năng lượng này góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, tiết kiệm chi phí hoạt động.

TIÊU THỤ NƯỚC:

Công ty sử dụng nguồn nước chủ yếu từ sông Đồng Nai, hồ Trị An, Gia UI,... kết hợp với các biện pháp kỹ thuật nhằm xử lý phèn, lắng vụn, lọc nước,... để sản xuất nguồn nước sạch đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y Tế. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng sử dụng nguồn nước một cách hợp lý nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên nước cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Hoạt động chính của công ty là dịch vụ cung cấp nước sạch cho người tiêu dùng, nên Công ty luôn ý thức được trách nhiệm đối với môi trường thông qua các công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản hóa chất xử lý nước và tăng cường kiểm tra rủi ro thất thoát nước. Đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm ở khu vực sản xuất và các khu vực xung quanh. Đảm bảo nhu cầu nước sạch và đời sống người dân không bị ảnh hưởng. Trong năm, Công ty không bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho CBCNV của mình, tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Kết quả là thu nhập bình quân của CBCNV trong những năm gần đây được cải thiện tích cực, người lao động có được công việc ổn định, tinh thần gắn bó với doanh nghiệp được nâng cao. Ngoài ra, Công ty luôn duy trì thực hiện tốt công tác đoàn thể, thường xuyên xét thi đua, thăm hỏi CBCNV ốm đau, hiếu, hỷ theo quy định. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện tốt các chính sách lương thưởng, phúc lợi mà Công ty đã đề ra trong năm.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty tiếp tục xem xét tính khả thi và hiệu quả đầu tư các dự án để mang nguồn nước sạch đến phục vụ cho nhân dân, nâng cao tỷ lệ số hộ dân được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho cộng đồng.

Trong năm, Công ty đóng góp, ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lụt, ủng hộ cho Quỹ bệnh viện đa khoa Đồng Nai để thực hiện chương trình hỗ trợ viện phí cho bệnh nhân nghèo, đóng góp quỹ “Vì người nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam”, giúp đỡ tài trợ những gia đình khó khăn, gia đình liệt sỹ, bà mẹ Việt Nam anh hùng,...



PHẦN III

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 40
- Tình hình tài chính 42
- Những cải tiến trong năm 44
- Kế hoạch phát triển trong tương lai 45
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty 46

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thuận lợi

- Sản phẩm và dịch vụ của Công ty là một trong những sản phẩm thiết yếu đối với người tiêu dùng, nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng gia tăng khi chất lượng đời sống xã hội ngày càng cao.
- Áp dụng khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, sản xuất, tạo môi trường thuận lợi nhằm phát huy tối đa năng lực nhân viên, tăng cao năng suất lao động đem lại nhiều hiệu quả to lớn.
- Sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của UBND Tỉnh, các Sở ban ngành và chính quyền các địa phương đặc biệt là của Tổng công ty Sonadezi đã tạo thuận lợi rất lớn, có tác động tích cực đến những kết quả trên mọi mặt hoạt động của Công ty.
- Sự quyết tâm thực hiện chức trách nhiệm vụ của lãnh đạo Công ty cùng với sự đoàn kết, đồng thuận, tin tưởng của toàn thể CBCNV Công ty là thuận lợi không nhỏ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Các đơn vị, phòng, ban, đội và từng cá nhân người lao động đã nỗ lực thực hiện nhiệm vụ với phương châm đổi mới tư duy nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, cùng đưa ra các phương án nhằm tối ưu hiệu quả kinh doanh.

Khó khăn

- Đối với dự án vốn vay ODA (Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1, Thiện Tân giai đoạn 1): Việc tái lấn chiếm đất của tuyến ống chuyển tải tại địa bàn các phường xã của thành phố Biên Hòa và huyện Long Thành làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc cấp nước an toàn. Dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2) đang trong giai đoạn trình Sở Xây dựng thẩm định Hồ sơ Thiết kế chi tiết.
- Đối với các dự án đầu tư bằng vốn vay thương mại vốn tự có: Để thực hiện nhiệm vụ cung cấp nước máy đến cho khách hàng trong phạm vi được giao, Công ty đang nghiên cứu đầu tư hệ thống cấp nước cho các khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa còn thiếu nước sạch tại các huyện như Xuân Lộc, Long Thành, Cẩm Mỹ, Thống Nhất... nhằm đáp ứng tốc độ đô thị hóa của các khu vực và nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân. Công ty chưa tiếp cận được các chính sách hỗ trợ đầu tư cho nông thôn.
- Các công trình nâng cấp đô thị, cải tạo hạ tầng giao thông không được hỗ trợ các chi phí di dời từ Nhà nước, đồng thời việc tăng áp làm ảnh hưởng đến mạng lưới cấp nước, nhiều nơi bị xì bể, tỷ lệ nước thất thoát tăng.
- Các chi nhánh đã có quan tâm đến công tác phòng chống thất thoát. Tuy nhiên chưa chủ động trong công tác phòng chống mà chủ yếu là tập trung vào công tác khắc phục xì bể. Mặt khác, do lượng khách hàng ngày càng tăng, cộng với việc mở rộng và tiếp nhận một số mạng lưới cấp nước ở nông thôn với chất lượng chưa cao cho nên công tác phòng chống thất thoát nước ngày càng khó khăn và phức tạp, chưa xây dựng chế độ vận hành hợp lý.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

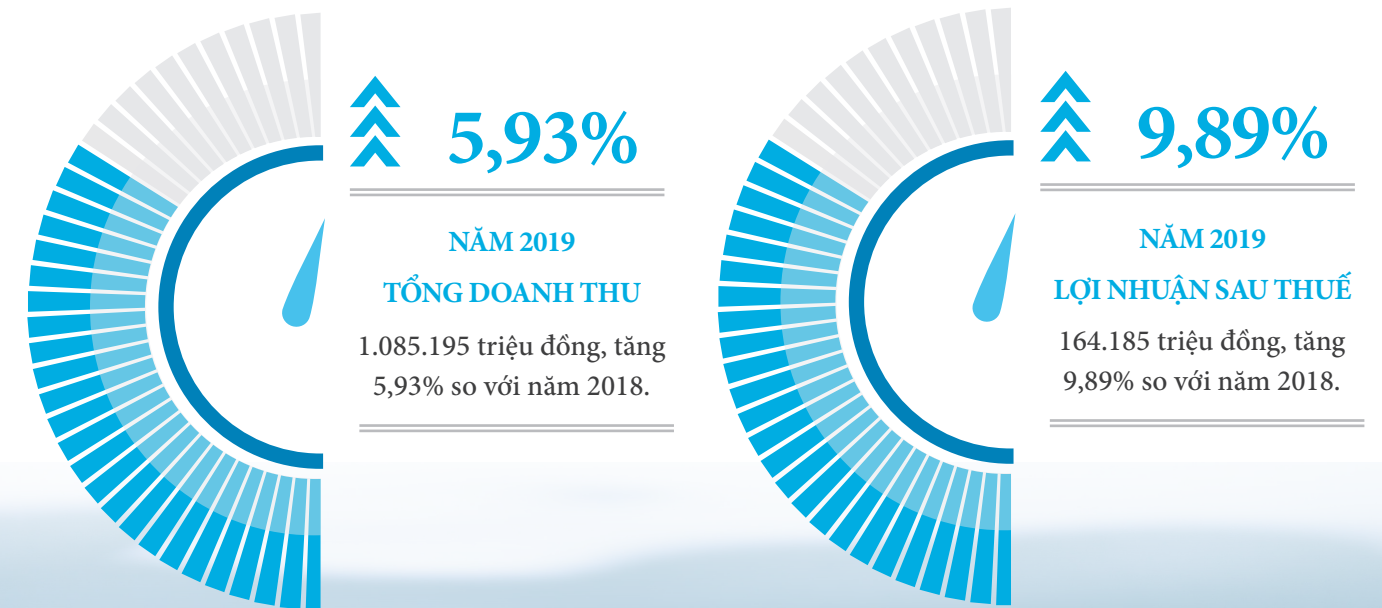
Với các biện pháp cải tiến công tác quản trị, sự thống nhất tư tưởng trong Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV trong năm 2019 Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đề ra. Cụ thể:

CÔNG TY MẸ

- Sản lượng nước sản xuất: 121.877.620 m³, đạt 102,29% kế hoạch.
- Sản lượng nước ghi thu: 99.864.469 m³, đạt 102, 26% kế hoạch.
- Tổng doanh thu: 961.763 triệu đồng, đạt 104,54% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: 151.833 triệu đồng, đạt 110,82% kế hoạch.
- Nộp ngân sách: 71.643 triệu đồng, đạt 143,29% kế hoạch.

HỢP NHẤT

- Tổng doanh thu: 1.085.195 triệu đồng, tăng 5,93% so với năm 2018.
- Doanh thu thuần: 1.072.289 triệu đồng, tăng 6,02% so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế: 164.185 triệu đồng, tăng 9,89% so với năm 2018.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

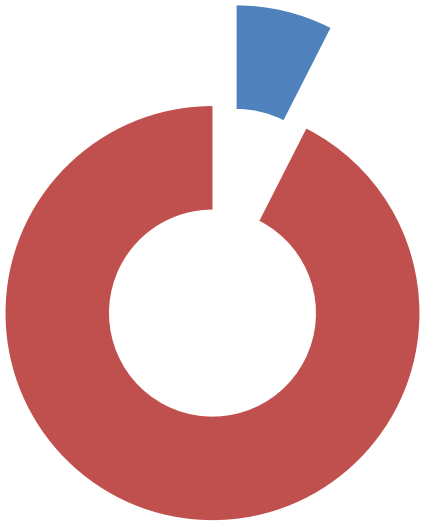
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		%2019/2018
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	285.011	7,49%	238.194	6,48%	83,57%
Tài sản dài hạn	3.519.153	92,51%	3.439.213	93,52%	97,73%
Tổng tài sản	3.804.164	100%	3.677.407	100%	96,67%

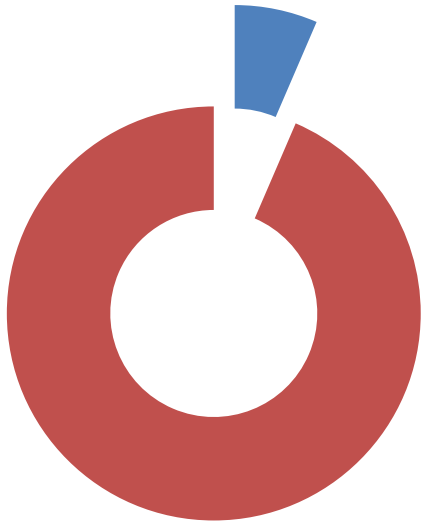
Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2019

T trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty năm 2019, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn với 93,52%, còn lại 6,48% là tài sản ngắn hạn. Tuy nhiên so với năm 2018, tài sản ngắn hạn giảm 16,43%. Nguyên nhân chủ yếu là do các khoản phải thu ngắn hạn Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân, Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh,... giảm hơn 14 tỷ đồng và các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn giảm hơn 61 tỷ đồng đến từ việc thực hiện các hợp đồng của dự án Thiện Tân giai đoạn 2 đã hoàn thành và đang trong giai đoạn quyết toán. Ngoài ra, việc giảm hơn 7 tỷ đồng thuế giá trị gia tăng được khấu trừ cũng đã góp phần làm giảm tài sản ngắn hạn.

Đối với tài sản dài hạn, Công ty đã giảm chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ điện tử cho khách hàng hơn 32 tỷ đồng, đồng thời trích khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình tăng đã làm cho tài sản dài hạn giảm 2,27% so với năm trước.



Năm 2018



Năm 2019

Tài sản ngắn hạn

Tài sản dài hạn

Tình hình nợ phải trả

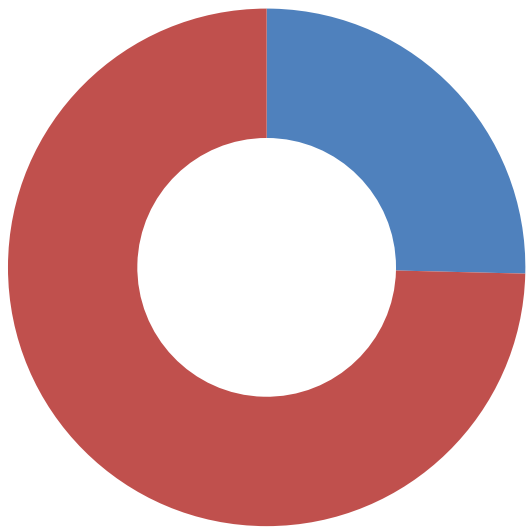
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		%2019/2018
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	614.334	25,39%	602.596	26,98%	98,09%
Nợ dài hạn	1.805.644	74,61%	1.631.027	73,02%	90,33%
Tổng nợ phải trả	2.419.978	100%	2.233.623	100%	92,30%

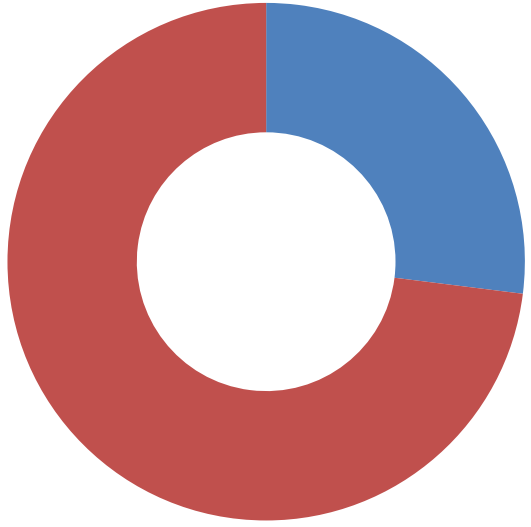
Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2019

T trong những năm qua, nợ phải trả của Công ty luôn chiếm tỷ trọng khá cao trong cơ cấu nguồn vốn bởi Công ty luôn có những dự án mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp nước, đáp ứng nhu cầu phát triển lượng khách hàng và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ. Năm 2019, tổng nợ đạt 2.233 tỷ đồng giảm gần 8% so với năm 2018, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 26,98%; nợ dài hạn chiếm 73,02%.

Năm vừa qua, nợ ngắn hạn giảm 1,91% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do vay ngắn hạn giảm bởi Công ty đã trả nợ cho ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam từ 142 tỷ đồng còn 60 tỷ đồng, đây là khoản vay có đảm bảo tài sản của Công ty. Bên cạnh đó thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng giảm hơn 5 tỷ đồng cũng góp phần làm cho nợ ngắn hạn giảm. Cùng với đó, nợ dài hạn giảm 9,67% do vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm từ 1.764 tỷ đồng xuống còn 1.624 tỷ đồng, chủ yếu Công ty vay từ nguồn vốn ODA từ Nhật Bản và Hàn Quốc tại ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai với mức lãi suất thấp từ 1,3% - 3,53%/ năm và đây cũng là khoản vay chiếm tỷ trọng lớn nhất trong khoản nợ dài hạn của Công ty.



Năm 2018



Năm 2019

Nợ ngắn hạn

Nợ dài hạn

NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo các bộ phận, phòng ban đơn vị trong Công ty tập trung thực hiện các nội dung về công tác cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng (thành lập bộ phận một cửa). Bên cạnh đó, kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường công tác phối hợp để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao

Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin vào công tác quản lý, giám sát hoạt động sản xuất. Rà soát, xây dựng các Quy chế tổ chức hoạt động, phân công nhiệm vụ, chức năng của các đơn vị, chi nhánh... để nâng cao hoạt động quản lý, điều hành của Công ty đạt hiệu quả theo đúng định hướng và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Thực hiện chủ trương của Tổng Công ty Sonadezi về việc xây dựng nhận diện thương hiệu doanh nghiệp, Ban lãnh đạo Công ty đã chú trọng quan tâm đến công tác xây dựng bộ nhận diện thương hiệu của Công ty nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh, nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường sự tin tưởng đối với khách hàng, thu hút đầu tư, đáp ứng tiêu chuẩn kinh doanh trong thời kỳ mới. Kể từ ngày 15/01/2020 Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai chính thức sử dụng mẫu Logo mới với Slogan: “Nước sạch cho cuộc sống xanh”.



Nước sạch cho cuộc sống xanh

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020: (đối với Công ty mẹ)

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020
1	Sản lượng sản xuất	m ³	130.005.000
2	Sản lượng ghi thu	m ³	106.864.000
3	Tổng doanh thu	triệu đồng	959.000
	- Sản xuất nước	triệu đồng	922.000
	- Xây lắp	triệu đồng	25.000
	- Hoạt động khác	triệu đồng	12.000
4	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	195.000
5	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	170.000
6	Nộp ngân sách	triệu đồng	75.000
7	Đầu tư xây dựng cơ bản	triệu đồng	240.000

Biện pháp thực hiện:

- » Tăng cường công tác tuyên truyền các biện pháp giáo dục ý thức trách nhiệm nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty với mục tiêu nâng cao thương hiệu, hướng tới khách hàng, vì khách hàng phục vụ. Thực hiện có hiệu quả việc sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý mạng lưới, vận hành, giám sát hoạt động sản xuất tại các nhà máy.
- » Thực hiện nghiêm nội quy, quy định, quy chế làm việc, tăng cường công tác phối hợp; thực hiện nghiêm túc việc phân loại, đánh giá định kỳ, chấn chỉnh ý thức làm việc của người lao động về việc thực hiện các nội quy, quy định của Công ty. Phân công nhiệm vụ, năng lực, trình độ của người lao động để nâng cao hiệu quả công việc.
- » Tăng cường công tác phát triển khách hàng tại các khu vực do Nhà máy nước Vĩnh Cửu 15.000m³/ngày và dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân (giai đoạn 2) cung cấp; Khu vực huyện Long Thành; các khu vực địa bàn 6 xã lên phường (Hiệp Hòa, Hóa An, Tân Hạnh, An Hòa, Phước Tân, Tam Phước).
- » Lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời 32KWP tại văn phòng Công ty tiết kiệm chi phí điện năng. lắp đặt hệ thống giám sát tự động cho tất cả các nhà máy và các khu xử lý... giảm thiểu lực lượng nhân sự, lắp đặt hệ thống quan trắc để giám sát thường xuyên chất lượng nước đầu vào.
- » Triển khai thực hiện các dự án trong năm 2020 nhằm đảm bảo phát huy tối đa công suất cấp nước của các nhà máy, góp phần tăng doanh thu, chiếm lĩnh được thị trường, giảm áp lực cạnh tranh từ các nhà đầu tư khác đồng thời đảm bảo đúng các quy định, thủ tục trong đầu tư xây dựng cơ bản, bao gồm 11 dự án: Dự án hệ thống cấp nước xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu; Nâng công suất nhà máy nước Gia Ray từ 7.000m³/ngày lên 15.000m³/ngày; Nhà điều hành và Trạm bơm tăng áp Long Thành, huyện Long Thành; Hệ thống cấp nước 3 xã Bình Hòa, Bình Lợi, Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu; Cải tạo hệ thống dân cào bùn bể lắng 1&2 thuộc chi nhánh Nhơn Trạch; Lắp đặt bổ sung máy bơm nước thô tại chi nhánh cấp nước Thạnh Phú; Lắp đặt tuyến ống cấp nước D300 từ Ngã tư Vũng Tàu đến chi nhánh Cấp nước Biên Hòa; Lắp đặt tuyến ống HDPE D400 từ ngã ba Trị An đến Cầu Sông Thao; Cải tạo tuyến ống chính và tuyến ống phân phối trạm bơm Gia Ray; Cải tạo ống cấp nước phân phối trạm bơm Tâm Hưng Hòa; Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D560 dọc Quốc lộ 1 cấp nước cho khu công nghiệp Tân Đức xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận và dân cư dọc 02 bên đường xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Biện pháp triển khai thực hiện:

- » Hoàn thiện các giấy phép xả thải của các Chi nhánh cấp nước trực thuộc; lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời tại Chi nhánh cấp nước Biên Hòa, Thiện Tân, Nhơn Trạch. Thực hiện lắp đặt 30 đồng hồ từ phục vụ » phân vùng tách mạng để xác định từng tỷ lệ thất thoát từng khu vực.
- » Các Công ty Cổ phần trực thuộc bảo đảm sản xuất - kinh doanh có hiệu quả, xây dựng và thực hiện các giải pháp để phấn đấu đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.
- » Lập phương án điều chỉnh giá nước máy theo lộ trình trong năm 2020 để có nguồn vốn tái đầu tư lại cho khu vực nông thôn theo kịp tốc độ đô thị hóa trên toàn Tỉnh. »
- » Nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong thực hiện quản lý mạng lưới cấp nước và giảm thiểu các thủ tục hành chính và thời gian cho khách hàng.
- » Xây dựng bộ quy tắc ứng xử đối với các rủi ro có thể xảy » ra trong quá trình sản xuất và cung cấp nước sạch. Xây dựng và lập phương án kinh doanh sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Xây dựng quy chế tiền lương năm 2020, đưa vào sử dụng phần mềm chấm công bằng vân tay và quản lý hồ sơ nhân sự.
- » Ban bảo vệ, các phòng ban, đơn vị, chi nhánh trực thuộc tăng cường việc giám sát, thực hiện nghiêm túc lịch trực lãnh đạo, bảo vệ, vận hành, sửa chữa đảm bảo tuyệt đối an ninh nguồn nước, bảo vệ tài sản. Đề cao cảnh giác và trách nhiệm trong việc thực thi nhiệm vụ, có phương án xử lý các tình huống xảy ra (nếu có). Thường xuyên nhắc nhở ý thức tuân thủ nội quy làm việc tại Công ty cho người lao động.
- » Phối hợp với các cơ quan chức năng, UBND thành phố Biên Hòa, các huyện, phường, xã có dự án xây dựng nhà máy và hệ thống cấp nước đi qua để xử lý các trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ các tuyến ống. Giám sát chặt chẽ việc quản lý hành lang tuyến ống của các đơn vị được giao quản lý.
- » Thực hiện công tác bảo trì bơm cấp II tại Chi nhánh Nhơn Trạch, Long Thành, bơm nước thô Thiện Tân A và B Chi nhánh Cấp nước Thạnh Phú bảo đảm cấp nước an toàn.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

- » Trong năm qua, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, vận động các cán bộ công nhân viên thực hiện dọn vệ sinh nơi làm việc, tạo môi trường làm việc trong lành, làm nên một nếp sống văn minh trong mỗi cá nhân người lao động. DOWACO cũng sử dụng hợp lý nguồn năng lượng và nước phục vụ trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tinh thần tiết kiệm cho toàn bộ CBCNV nhằm tối thiểu chi phí cho Công ty.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- » Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, duy trì đều đặn các chính sách phúc lợi hàng năm, tạo điều kiện để người lao động thể hiện năng lực, được học hỏi nâng cao kiến thức chuyên môn.
- » Thực hiện chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thăm hỏi, tặng quà cho cán bộ hưu trí trong các dịp Lễ, Tết; Tổ chức cho con của người lao động tại Công ty đạt “Học giỏi - Sống tốt” năm 2019 tham gia các hoạt động vui chơi trong dịp hè; Tổ chức hội thi cắm hoa kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 22/10.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- » Trong năm 2019, Công ty tiếp tục thực hiện các hoạt động xã hội từ thiện vì cộng đồng như: ủng hộ cho Quỹ bệnh viện đa khoa Đồng Nai để thực hiện chương trình hỗ trợ viện phí cho bệnh nhân nghèo, quỹ “nạn nhân chất độc da cam”, ủng hộ địa phương chăm lo cho người nghèo, ủng hộ phong trào “Toàn dân bảo vệ Tổ quốc”; trợ cấp, phụng dưỡng mẹ liệt sĩ, gia đình chính sách, con của liệt sĩ, vận động người lao động tham gia hiến máu tình nguyện,...





PHẦN IV

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 50
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty 51
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 52

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	% Thực hiện 2019/Thực hiện 2018
Doanh thu thuần	1.011.370	1.072.289	106,02%
Doanh thu hoạt động tài chính	5.528	7.562	136,79%
Thu nhập khác	7.586	5.344	70,45%
Lợi nhuận trước thuế	176.572	183.711	104,04%
Lợi nhuận sau thuế	149.280	164.185	109,98%

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2019

Thông qua việc Chủ tịch HĐQT tham gia hội ý đầu tuần với Ban điều hành, tham gia họp giao ban định kỳ tại Công ty đã kịp thời đưa ra các giải pháp, biện pháp một cách hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế. Mọi hoạt động của công ty đều được tiến hành theo Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty. DOWACO luôn xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của ban lãnh đạo, tổ chức hợp lý các bộ phận kinh doanh và xây dựng chiến lược đầu tư nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm qua, Công ty đã cố gắng thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đem lại lợi ích cho cổ đông. Công ty luôn nỗ lực xây dựng được hình ảnh, quảng bá thương hiệu của mình, được sự ủng hộ của các khách hàng truyền thống, tạo được sự tin tưởng đối với khách hàng trong và ngoài nước. Kết thúc năm 2019, doanh thu thuần hợp nhất của Công ty đạt kết quả ấn tượng với mức thực hiện 1.072.289 triệu đồng, tăng 6,02% so với năm 2018 nhờ vào việc mở rộng sản xuất kinh doanh; doanh thu từ hoạt động tài chính tăng hơn 2 tỷ đồng do lãi của tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá. Bên cạnh đó, dưới sự nỗ lực không ngừng của Ban Lãnh đạo và tập thể CBCNV, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, ghi nhận lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 164.185 triệu đồng, tăng 9,98% so với năm trước.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- » Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động. Ban Giám đốc đã triển khai các biện pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và chủ trương Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty để ra.
- » Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, cơ cấu tổ chức,... của Công ty.
- » Định kỳ hàng Quý, 6 tháng Giám đốc điều hành báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới, lập các Tờ trình xin ý kiến về các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính.
- » Bên cạnh đó, hàng tháng Ban Giám đốc tổ chức họp giao ban với trưởng các bộ phận, phòng ban, chi nhánh nhằm đánh giá tình hình hoạt động của các đơn vị đồng thời nắm bắt các khó khăn, đề xuất của các đơn vị để có phương hướng chỉ đạo giải quyết kịp thời. Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực, tài lực phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.
- » Giám sát việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Giám sát việc báo cáo, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đảm bảo quy định.
- » Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề: Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019; thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.



Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền các biện pháp giáo dục ý thức trách nhiệm, nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty. Thực hiện có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý mạng lưới, vận hành, giám sát hoạt động sản xuất tại các nhà máy.
- Tăng cường công tác phát triển khách hàng tại các khu vực do Nhà máy nước Vĩnh Cửu 15.000m³/ngày và dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân (giai đoạn 2) cung cấp; Khu vực huyện Long Thành; các khu vực địa bàn 6 xã lên phường (Hiệp Hòa, Hóa An, Tân Hạnh, An Hòa, Phước Tân, Tam Phước).
- Triển khai thực hiện và đưa vào sử dụng: Lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời 32KWP tại văn phòng Công ty tiết kiệm chi phí điện năng. Lắp đặt hệ thống giám sát tự động cho tất cả các nhà máy và các khu xử lý,... giảm thiểu lực lượng nhân sự. Lắp đặt hệ thống quan trắc để giám sát thường xuyên chất lượng nước đầu vào.



Đối với các dự án

Hội đồng quản trị tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty đẩy nhanh tiến độ các dự án:

- Dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 1): Bám sát, theo dõi phối hợp với Sở Kế hoạch & Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai về duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư và thực hiện các bước tiếp theo của dự án.
- Dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2: Phối hợp với Sở Xây dựng về hồ sơ kiểm tra nghiệm thu hoàn thành công trình; Đôn đốc các nhà thầu thực hiện việc bổ sung, kiểm tra xác nhận hồ sơ quyết toán gói thầu xây lắp & tư vấn, quyết toán dự án và thực hiện bảo hành công trình.
- Dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2): Trình Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ thiết kế chi tiết, thẩm tra chi phí phát sinh giai đoạn Thiết kế, để có cơ sở thẩm định, phê duyệt trước khi thanh toán cho Tư vấn theo quy định. Thực hiện các nhiệm vụ tiếp theo của dự án khi có ý kiến chỉ đạo của Tổng Công ty, UBND tỉnh và các Bộ Ngành chấp thuận không sử dụng nguồn vốn ODA.
- Đối với các dự án vốn vay thương mại và vốn khác: Triển khai thực hiện đưa vào sử dụng các dự án trong năm 2020 nhằm đảm bảo phát huy tối đa công suất cấp nước của các nhà máy, góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.

VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, kiện toàn các phòng ban đội để tăng cường chức năng tham mưu, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Tăng cường công tác chủ động phối hợp giữa các bộ phận, phòng ban, chi nhánh đảm bảo đem lại hiệu quả trong thực hiện các nhiệm vụ được giao góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty.

Tiếp tục bồi dưỡng, đánh giá, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, người đại diện phần vốn, người lao động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty.



PHẦN V

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị 56
- Ban kiểm soát 63
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích 65

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên và các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Vũ Văn Học	Chủ tịch	11/11	100%	
2	Phạm Thị Hồng	Thành viên	08/11	72,73%	Do được bầu vào HĐQT kể từ ngày 01/04/2019
3	Nguyễn Văn Bính	Thành viên	11/11	100%	
4	Nguyễn Văn Thiên	Thành viên	10/11	90,91%	Đi công tác
5	Võ Văn Bình	Thành viên	11/11	100%	
6	Nguyễn Cao Hà	Thành viên	08/11	72,73%	Do được bầu vào HĐQT kể từ ngày 01/04/2019

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị



ÔNG VŨ VĂN HỌC - CHỦ TỊCH HĐQT

- Năm sinh: 1959.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đô thị - Ngành Cấp thoát nước.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 4.900 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 4.900 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



BÀ PHẠM THỊ HỒNG - THÀNH VIÊN HĐQT

Xem lý lịch Ban điều hành



ÔNG NGUYỄN VĂN BÌNH - THÀNH VIÊN HĐQT

Xem lý lịch Ban điều hành



ÔNG NGUYỄN VĂN THIÊN - THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm sinh: 1957.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Môi trường.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 17.700.000 cổ phần, chiếm 17,70% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 17.700.000 cổ phần, chiếm 17,70% vốn điều lệ.



ÔNG VÕ VĂN BÌNH - THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm sinh: 1967.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 0 cổ phần.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.



ÔNG NGUYỄN CAO HÀ - THÀNH VIÊN HĐQT

- Ngày sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính; Thạc sỹ Kinh doanh và quản lý.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 10.010.600 cổ phần, chiếm 10,01% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 10.600 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 10.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.

Các Nghị quyết của HĐQT năm 2019:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự
1	01/NQ-HĐQT	02/01/2019	Thông qua việc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai vay vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP.
2	02/NQ-HĐQT	15/01/2019	Thông qua việc các Công ty thành viên Tổng Công ty Sonadezi ứng trước tiền nước cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
3	03/NQ-HĐQT	19/3/2019	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông 2019.
4	04/NQ-HĐQT	29/3/2019	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.
5	05/NQ-HĐQT	29/3/2019	Về việc Bầu Ông Vũ Văn Học giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai nhiệm kỳ 2015 - 2020.
6	06/NQ-HĐQT	29/3/2019	Về việc miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đối với Ông Phan Hùng.
7	07/NQ-HĐQT	29/3/2019	Về việc bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đối với Bà Phạm Thị Hồng.
8	08/NQ-HĐQT	19/4/2019	Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch 2019 của Công ty.
9	09/NQ-HĐQT	19/4/2019	Thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
10	10/NQ-HĐQT	23/5/2019	Thông qua: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 04 tháng đầu năm, phương hướng các tháng còn lại; Điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình đầu tư xây dựng cơ bản 2019; Kện toàn tổ chức bộ máy; Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Lê Duy Diệp; Tuyển dụng và bổ nhiệm Ông Đặng Văn Chất giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty; Các Quy chế quản lý nội bộ.
11	11/NQ-HĐQT	04/7/2019	Ủy quyền cho nhóm người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp nước Đồng Nai biểu quyết miễn nhiệm chức vụ Giám đốc đối với Ông Phạm Văn Hội.
12	12/NQ-HĐQT	22/8/2019	Chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng tiền mặt.
13	15/NQ-HĐQT	23/9/2019	Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đối với Ông Nguyễn Xuân Thịnh.

Các Quyết định của HĐQT năm 2019:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự
1	01/QĐ-HĐQT	03/01/2019	Chấp thuận cho nhân viên Chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan du lịch tại Thái Lan.
2	02/QĐ-HĐQT	21/01/2019	Chấp thuận cho nhân viên Chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan du lịch tại Thái Lan.
3	03/QĐ-HĐQT	01/02/2019	Ban hành quy trình Kế toán, lập báo cáo tài chính của Công ty.
4	04/QĐ-HĐQT	25/02/2019	Giải quyết chế độ hưu trí năm 2019 đối với Ông Lê Duy Diệp - Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty.
5	05/QĐ-HĐQT	28/02/2019	Quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý và quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2018.
6	06/QĐ-HĐQT	28/02/2019	Chấp thuận cho nhân viên phòng Quản lý chất lượng nước đi tham quan du lịch tại Thái Lan.
7	07/QĐ-HĐQT	04/3/2019	Chấp thuận cho người lao động Chi nhánh Quản lý ghi thu đi tham quan du lịch tại Nhật Bản.
8	08/QĐ-HĐQT	06/3/2019	Phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động và Quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý năm 2019.
9	09/QĐ-HĐQT	07/3/2019	Chấp thuận cho người lao động Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch đi tham quan du lịch tại Úc.
10	10/QĐ-HĐQT	19/3/2019	Thành lập Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty.
11	11/QĐ-HĐQT	21/3/2019	Chấp thuận cho nhân viên Chi nhánh Quản lý Ghi thu đi tham quan du lịch tại Malaysia.
12	12/QĐ-HĐQT	25/3/2019	Chấp thuận cho nhân viên phòng Quản lý chất lượng nước đi tham quan du lịch tại Singapore.
13	13/QĐ-HĐQT	27/3/2019	Chấp thuận cho người lao động tại Công ty đi tham quan du lịch Nhật Bản.
14	14/QĐ-HĐQT	29/3/2019	Chi thường cho người quản lý Công ty.
15	15/QĐ-HĐQT	01/4/2019	Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
16	16/QĐ-HĐQT	01/4/2019	Bổ nhiệm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
17	17/QĐ-HĐQT	28/3/2019	Giải quyết chế độ hưu trí năm 2019 đối với Ông Phan Hùng - Giám đốc Công ty.
18	18/QĐ-HĐQT	01/4/2019	Thành lập Hội đồng kiểm kê để lập Báo cáo tài chính Quý 1/2019 về công tác bàn giao.
19	19/QĐ-HĐQT	19/4/2019	Thành lập Hội đồng xử lý kết quả kiểm kê.

Các Quyết định của HĐQT năm 2019:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự
20	20/QĐ-HĐQT	22/4/2019	Chi thường cho người quản lý điều hành.
21	21/QĐ-HĐQT	24/4/2019	Chấp thuận cho nhân viên Ban Chuyên viên Công ty đi tham quan du lịch tại Trung Quốc.
22	22/QĐ-HĐQT	07/5/2019	Chấp thuận cho Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp nước Đồng Nai đi tham quan du lịch tại các nước Ý - Thụy Sĩ - Pháp.
23	23/QĐ-HĐQT	07/5/2019	Chấp thuận cho nhân viên phòng Tổ chức hành chính đi tham quan du lịch tại Israel.
24	24/QĐ-HĐQT	30/5/2019	Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đối với Ông Lê Duy Diệp.
25	25/QĐ-HĐQT	30/5/2019	Tuyển dụng và bổ nhiệm Ông Đặng Văn Chất giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
26	26/QĐ-HĐQT	30/5/2019	Chấp thuận cho nhân viên Chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan du lịch tại Thái Lan.
27	27/QĐ-HĐQT	30/5/2019	Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
28	28/QĐ-HĐQT	30/5/2019	Ban hành Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
29	29/QĐ-HĐQT	30/5/2019	Ban hành Quy chế quản lý vật tư của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
30	30/QĐ-HĐQT	30/5/2019	Ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức của cán bộ quản lý và cử, cử lại người đại diện vốn của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
31	31/QĐ-HĐQT	30/5/2019	Thành lập Phòng kinh doanh trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
32	32/QĐ-HĐQT	30/5/2019	Thành lập Phòng Kỹ thuật trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
33	33/QĐ-HĐQT	20/6/2019	Chấp thuận cho người quản lý điều hành và người đại diện phần vốn tại Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp nước Đồng Nai đi tham quan du lịch Châu Âu (Pháp - Bỉ - Hà Lan - Đức).
34	34/QĐ-HĐQT	04/7/2019	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Ngọc Hiến làm Thư ký Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2015 - 2020.
35	35/QĐ-HĐQT	08/7/2019	Chấp thuận cho nhân viên Chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan du lịch tại Singapore.
36	36/QĐ-HĐQT	17/7/2019	Chấp thuận cho nhân viên Phòng Tổ chức hành chính đi tham quan du lịch tại Philippines.
37	37/QĐ-HĐQT	17/7/2019	Chấp thuận cho nhân viên Đội Quản lý Bảo trì & Sửa chữa đi thăm thân nhân tại Pháp.

Các Quyết định của HĐQT năm 2019:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự
38	38/QĐ-HĐQT	09/8/2019	Giải quyết chế độ hưu trí năm 2019 đối với Ông Nguyễn Xuân Thịnh - Phó Giám đốc Công ty.
39	39/QĐ-HĐQT	16/8/2019	Chấp thuận cho nhân viên Phòng Kỹ thuật Công ty đi tham quan du lịch tại Đài Loan.
40	40/QĐ-HĐQT	16/8/2019	Chấp thuận cho nhân viên Phòng Kỹ thuật Công ty đi tham quan du lịch tại Đài Loan.
41	41/QĐ-HĐQT	19/8/2019	Chấp thuận cho Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp nước đi tham quan du lịch Nhật Bản.
42	42/QĐ-HĐQT	22/8/2019	Chi thường cho người Quản lý điều hành.
43	43/QĐ-HĐQT	24/9/2019	Chấp thuận cho nhân viên Phòng Kỹ thuật Công ty đi tham quan du lịch tại Hàn Quốc.
44	44/QĐ-HĐQT	24/9/2019	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.
45	45/QĐ-HĐQT	24/9/2019	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh cấp nước Vĩnh An.
46	46/QĐ-HĐQT	30/9/2019	Miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Xuân Thịnh.
47	47/QĐ-HĐQT	30/9/2019	Chấp thuận cho người lao động Chi nhánh quản lý các dự án đi tham quan du lịch Trung Quốc.
48	48/QĐ-HĐQT	30/9/2019	Chấp thuận cho người lao động tại Chi nhánh cấp nước Thiện Tân đi tham quan du lịch Hàn Quốc.
49	49/QĐ-HĐQT	08/10/2019	Chấp thuận cho nhân viên Phòng Quản lý chất lượng nước đi tham quan du lịch tại Singapore.
50	50/QĐ-HĐQT	25/10/2019	Chấp thuận cho người lao động Công ty đi tham quan du lịch tại Hàn Quốc.
51	51/QĐ-HĐQT	04/11/2019	Củng cố và kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng của Công ty.
52	52/QĐ-HĐQT	04/11/2019	Thành lập Hội đồng thẩm định sáng kiến của Công ty.
53	53/QĐ-HĐQT	07/11/2019	Chấp thuận cho Kế toán trưởng Công ty đi tham quan du lịch tại Malaysia.
54	54/QĐ-HĐQT	07/11/2019	Chấp thuận cho nhân viên Chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan du lịch tại New Zealand.
55	55/QĐ-HĐQT	12/11/2019	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh cấp nước Biên Hòa.
56	56/QĐ-HĐQT	12/11/2019	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh cấp nước Long Bình..

Các Quyết định của HĐQT năm 2019:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự
57	57/QĐ-HĐQT	12/11/2019	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.
58	58/QĐ-HĐQT	12/11/2019	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch.
59	59/QĐ-HĐQT	12/11/2019	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú.
60	60/QĐ-HĐQT	12/11/2019	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh cấp nước Long Thành.
61	61/QĐ-HĐQT	12/11/2019	Quyết định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh cấp nước Tân Định.
62	63/QĐ-HĐQT	15/11/2019	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Quản lý các Dự án cấp nước Đồng Nai.
63	64/QĐ-HĐQT	15/11/2019	Thành lập Ban Quản lý dự án trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
64	65/QĐ-HĐQT	15/11/2019	Cử nhân viên Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tham dự Chương trình đào tạo tại Nhật Bản.
65	66/QĐ-HĐQT	24/12/2019	Chi lương bổ sung cho người quản lý điều hành.
66	67/QĐ-HĐQT	27/12/2019	Chấp thuận cho người lao động tại Phòng Quản lý chất lượng nước đi tham quan du lịch Hàn Quốc.
67	68/QĐ-HĐQT	27/12/2019	Về việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân các Công ty con, Công ty liên kết thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
68	69/QĐ-HĐQT	27/12/2019	Về việc công nhận danh hiệu thi đua cấp cơ sở năm 2019 đối với tập thể, cá nhân các Công ty con, Công ty liên kết thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
69	71/QĐ-HĐQT	31/12/2019	Thành lập hội đồng xử lý nợ phải thu của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.




BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên và các cuộc họp của Ban kiểm soát


STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Công Hiếu	Trưởng ban kiểm soát	03/03	100%
2	Nguyễn An Quốc	Kiểm soát viên	03/03	100%
3	Tăng Tổ Văn	Kiểm soát viên	03/03	100%

Lý lịch thành viên Ban kiểm soát




ÔNG NGUYỄN CÔNG HIẾU - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Năm sinh: 1990.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 15.000.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 15.000.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ.



ÔNG NGUYỄN AN QUỐC - KIỂM SOÁT VIÊN

- Năm sinh: 1974.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 3.990.000 cổ phần, chiếm 3,99% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 3.990.000 cổ phần, chiếm 3,99% vốn điều lệ.



BÀ TĂNG TỔ VĂN - KIỂM SOÁT VIÊN

- Năm sinh: 1972.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2019: 0 cổ phần.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành

Trong năm qua, trên cơ sở nhiệm vụ được phân công, các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty, như sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành; kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các phòng, ban chuyên môn; kiểm tra, giám sát việc triển khai và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế, Quy định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty ban hành.
- Xem xét, đánh giá các hoạt động trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó góp ý trong công tác quản trị, đề ra biện pháp hạn chế rủi ro trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh, đầu tư của đơn vị.
- Giám sát việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong việc công bố thông tin để phục vụ quyền lợi của cổ đông.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh; báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng, quý của Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT, TGD Công ty và trình báo cáo thẩm định lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng trong Công ty; phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật; đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư và hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn vốn đầu tư của Công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

DVT: Đồng/năm

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao	Thưởng	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị	1.239.696.140	504.000.000	518.500.000	
1	Vũ Văn Học	1.239.696.140	-	107.700.000	
2	Phan Hùng	-	24.000.000	97.700.000	Miễn nhiệm ngày 01/04/2019
3	Phạm Thị Hồng	-	72.000.000	-	Bổ nhiệm ngày 01/04/2019
4	Nguyễn Xuân Thịnh	-	24.000.000	77.700.000	Miễn nhiệm ngày 01/04/2019
5	Lê Duy Diệp	-	24.000.000	77.700.000	Miễn nhiệm ngày 01/04/2019
6	Nguyễn Văn Bính	-	96.000.000	77.700.000	
7	Nguyễn Văn Thiển	-	96.000.000	40.000.000	
8	Võ Văn Bình	-	96.000.000	40.000.000	
9	Nguyễn Cao Hà	-	72.000.000	-	Bổ nhiệm ngày 01/04/2019
II	Ban kiểm soát	796.722.810	120.000.000	52.700.000	
1	Phạm Thị Hồng	236.080.000	-	2.700.000	Miễn nhiệm ngày 01/04/2019
2	Nguyễn Công Hiếu	560.642.810	-	-	Bổ nhiệm ngày 01/04/2019
3	Nguyễn An Quốc	-	45.000.000	-	Bổ nhiệm ngày 01/04/2019
4	Phan Thùy Đoan	-	15.000.000	25.000.000	Miễn nhiệm ngày 01/04/2019
5	Tăng Tổ Văn	-	60.000.000	25.000.000	
III	Ban điều hành	4.616.381.050	-	132.700.000	
1	Phan Hùng	377.392.000	-	-	Miễn nhiệm ngày 01/04/2019
2	Phạm Thị Hồng	841.347.400	-	65.000.000	Bổ nhiệm ngày 01/04/2019
3	Nguyễn Xuân Thịnh	672.380.000	-	-	Miễn nhiệm ngày 01/10/2019
4	Lê Duy Diệp	409.080.000	-	-	Miễn nhiệm ngày 01/06/2019
5	Nguyễn Văn Bính	957.301.920	-	-	
6	Đặng Văn Chất	550.521.920	-	-	Bổ nhiệm ngày 01/06/2019
7	Nguyễn Thu Oanh	808.357.810	-	67.700.000	



PHẦN VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

• Báo cáo của Ban Giám đốc	68
• Ý kiến kiểm toán	70
• Báo cáo tài chính	72

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Văn Học	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2019)
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2019)
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên
Ông Võ Văn Bình	Thành viên
Ông Phan Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2019)
Ông Lê Duy Diệp	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2019)
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2019)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Công Hiếu	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2019)
Bà Phạm Thị Hồng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2019)
Bà Tăng Tố Văn	Thành viên
Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2019)
Bà Phan Thùy Đoàn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2019)

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Hồng	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2019)
Ông Phan Hùng	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2019)
Ông Lê Duy Diệp	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2019)
Ông Nguyễn Văn Bình	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30 tháng 09 năm 2019)
Ông Đặng Văn Chất	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2019)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CAM KẾT CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm Công ty là 364.401.687.397 VND. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Nhóm công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 23 tháng 3 năm 2020



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 20.101-HN/BCKT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2020 từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/03/ 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo đến thuyết minh 2.6 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó trình bày về việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm công ty là 364.401.687.397 VND. Đây là dấu hiệu cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2020

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2820-2020-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		238.194.139.048	285.010.515.263
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	59.817.273.278	75.587.200.801
1. Tiền	111		36.817.273.278	40.167.530.756
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.000.000.000	35.419.670.045
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		62.866.295.180	15.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	62.866.295.180	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.555.269.573	142.871.357.104
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	53.719.977.456	68.138.507.157
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	4.924.959.423	66.816.311.168
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		11.079.087.402	11.003.696.583
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(2.168.754.708)	(3.087.157.804)
IV. Hàng tồn kho	140		43.552.425.040	39.806.041.895
1. Hàng tồn kho	141	4.6	43.552.425.040	39.806.041.895
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.402.875.977	11.745.915.463
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	125.711.502	287.459.191
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.566.359.913	10.605.797.769
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	710.804.562	21.586.678
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	831.071.825
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.439.212.854.407	3.519.153.092.895
I. Tài sản cố định	220		3.224.591.595.958	3.217.345.023.335
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	2.910.322.930.931	2.895.473.838.887
Nguyên giá	222		4.850.493.126.936	4.600.174.296.788
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.940.170.196.005)	(1.704.700.457.901)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	314.268.665.027	321.871.184.448
Nguyên giá	228		356.092.593.291	356.231.013.290
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.823.928.264)	(34.359.828.842)
II. Bất động sản đầu tư	230		974.336.909	1.025.127.329
1. Nguyên giá	231		1.269.760.507	1.269.760.507
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(295.423.598)	(244.633.178)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		140.404.617.814	193.945.842.297
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	140.404.617.814	193.945.842.297
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	32.931.314.431	33.990.881.525
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		29.941.591.941	30.921.159.035
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.069.722.490	3.069.722.490
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(80.000.000)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		40.310.989.295	72.846.218.409
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	40.191.744.919	72.647.477.783
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		119.244.376	198.740.626
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.677.406.993.455	3.804.163.608.158

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.233.622.610.683	2.419.978.390.115
I. Nợ ngắn hạn	310		602.595.826.445	614.334.247.357
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	44.674.497.362	61.659.481.060
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	36.311.253.924	17.234.058.462
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	12.806.053.830	18.175.022.123
4. Phải trả người lao động	314	4.14	31.575.638.479	12.865.647.019
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	18.039.251.419	16.422.429.564
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	8.013.177.060	7.352.272.791
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	439.806.846.385	462.997.402.466
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.369.107.986	17.627.933.872
II. Nợ dài hạn	330		1.631.026.784.238	1.805.644.142.758
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.12	3.867.902.036	3.867.902.036
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	2.826.826.409	37.277.947.942
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	1.624.332.055.793	1.764.498.292.780
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.443.784.382.772	1.384.185.218.043
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18.1	1.441.982.693.042	1.383.672.932.580
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.764.721.167	18.764.721.167
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		26.218.693.500	26.218.693.500
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.235.766.100)	(64.235.766.100)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		64.912.313.912	45.070.777.828
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		290.897.201.821	253.342.439.213
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		132.074.861.739	103.982.053.912
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		158.822.340.082	149.360.385.301
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		105.425.528.742	104.512.066.972
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		1.801.689.730	512.285.463
1. Nguồn kinh phí	431		1.801.689.730	512.285.463
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.677.406.993.455	3.804.163.608.158



Phạm Thị Hồng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 23 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Thu Oanh
Kế Toán Trưởng

Đỗ Thị Thu Cúc
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.072.311.869.099	1.011.601.793.230
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		23.320.281	231.475.448
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.072.288.548.818	1.011.370.317.782
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	668.747.912.722	616.574.923.782
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		403.540.636.096	394.795.394.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	7.562.727.370	5.527.646.594
7. Chi phí tài chính	22	5.4	98.399.148.460	79.300.193.381
Trong đó, chi phí lãi vay	23		78.231.093.175	60.032.562.236
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		1.130.932.905	3.306.052.930
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	69.530.690.532	91.665.666.429
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	64.210.346.496	61.000.855.038
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		180.094.110.883	171.662.378.676
12. Thu nhập khác	31		5.343.654.558	7.586.219.802
13. Chi phí khác	32		1.726.889.211	2.676.564.636
14. Lợi nhuận khác	40		3.616.765.347	4.909.655.166
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		183.710.876.230	176.572.033.842
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	19.446.624.174	27.101.453.855
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		79.496.250	190.847.949
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		164.184.755.806	149.279.732.038
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		153.165.685.895	138.231.284.036
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		11.019.069.911	11.048.448.002
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.3	1.371	1.217
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.4	1.371	1.217



Phạm Thị Hồng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 23 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Thu Oanh
Kế Toán Trưởng

Đỗ Thị Thu Cúc
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		183.710.876.230	176.572.033.842
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	250.954.852.330	197.630.375.081
Các khoản dự phòng	03		(838.403.096)	214.389.172
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.4	18.879.142.543	17.850.671.160
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.948.633.866)	(8.412.191.384)
Chi phí lãi vay	06	5.4	78.231.093.175	60.032.562.236
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(4.210.002.611)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		523.988.927.316	439.677.837.496
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		125.259.936.257	174.922.277.129
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.746.383.145)	12.196.005.811
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(125.346.254.117)	(179.377.450.429)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		32.617.480.553	(13.098.041.466)
Tiền lãi vay đã trả	14		(73.506.229.389)	(60.013.203.733)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(27.504.451.045)	(4.864.279.443)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.063.280.855	2.678.952.538
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(26.018.580.824)	(12.713.323.384)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		428.807.726.461	359.408.774.519
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(129.749.483.737)	(274.722.629.318)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.170.545.455	1.316.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(47.866.295.180)	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	35.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.063.155.506	5.745.563.762
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(171.382.077.956)	(247.660.520.101)

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	592.793.298.776	741.475.709.511
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(777.049.671.279)	(876.315.039.796)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(88.939.203.525)	(51.141.554.260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(273.195.576.028)	(185.980.884.545)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(15.769.927.523)	(74.232.630.127)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		75.587.200.801	149.819.830.928
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	59.817.273.278	75.587.200.801



Phạm Thị Hồng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 23 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Thu Oanh
Kế Toán Trưởng

Đỗ Thị Thu Cúc
Người lập

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600259296 ngày 01 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Công ty đã đăng ký giao dịch chứng khoán trên Sàn giao dịch Upcom và được cấp mã chứng khoán DNW tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2015/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.000.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị Ngàn đồng	Tỷ lệ (%)	Giá trị Ngàn đồng	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công nghiệp	Việt Nam	639.891.000	63,99%	639.891.000	63,99%
Các nhà đầu tư khác	Việt Nam	360.109.000	36,01%	360.109.000	36,01%
Cộng		1.000.000.000	100%	1.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2019 gồm:

- Chi nhánh cấp nước Tân Định;
- Chi nhánh cấp nước Thiện Tân;
- Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc;
- Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch;
- Chi nhánh cấp nước Vĩnh An;
- Chi nhánh cấp nước Long Bình;
- Chi nhánh cấp nước Biên Hòa;
- Chi nhánh cấp nước Long Thành;
- Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú;

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31/12/2019 là 1.087 (31/12/2018 là: 1.101).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác và cung cấp nước sạch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế công trình cấp nước, thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình, thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Nhóm công ty

Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 02 công ty con trực tiếp.

Các công ty con trực tiếp:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, Số 319B, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	52,44%	52,44%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Số 02 Bis, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	51,00%	51,00%

1.6. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Số 52 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	36%	36%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Đường Gia Tân 1, Ấp Dốc Mơ 3, Xã Gia Tân 1, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	25%	25%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

2.6. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm Công ty là 364.401.687.397 VND. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Nhóm công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Nhóm công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Nhóm công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phân ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 20 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	10 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 20 đến 48 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Chi phí quy hoạch bản đồ được khấu hao trong 30 năm.

3.9. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ xuất dùng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 1 đến 3 năm.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.12. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty trong công ty liên doanh liên kết.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm lãi vay, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng là hộ gia đình, chi phí thay thế đồng hồ nước, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (cả hoạt động lắp đặt).

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC, Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng cho đơn vị xã hội hoá trong lĩnh vực môi trường.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

▪ Dịch vụ lắp đặt công trình công cộng	Không chịu thuế
▪ Dịch vụ cung cấp nước	5%
▪ Dịch vụ lắp đặt khác	10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Bảo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	337.435.818	444.734.745
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.479.837.460	39.722.796.011
Các khoản tương đương tiền	23.000.000.000	35.419.670.045
Cộng	59.817.273.278	75.587.200.801

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng với lãi suất từ 0,8% đến 4,5%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 5,8% ~ 7,6%/năm.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	15.000.000.000	14.839.863.372	15.000.000.000	15.351.191.274
Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai	7.800.368.003	15.101.728.569	7.800.368.003	15.569.967.761
Cộng	22.800.368.003	29.941.591.941	22.800.368.003	30.921.159.035

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.039.722.490	1.681.677.000	1.039.722.490	(*)
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	2.030.000.000	1.950.000.000	2.030.000.000	-
Cộng	3.069.722.490	3.631.677.000	3.069.722.490	-

Nhóm công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên cơ sở giá niêm yết trên sản giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Nhóm công ty đang nắm giữ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	293.627.249	6.529.540.751
Phải thu từ khách hàng khác	53.426.350.207	61.608.966.406
Cộng	53.719.977.456	68.138.507.157

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	-	183.684.420
Công ty kỹ thuật DOHWA	2.031.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán VACO	898.655.668	-
Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu Kỹ thuật Việt	651.558.600	-
Công ty Kumho Industrial Co.,Ltd	-	64.347.260.399
Các nhà cung cấp khác	1.343.745.155	2.285.366.349
Cộng	4.924.959.423	66.816.311.168

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	2.417.920.461	249.165.753	3.514.997.931	427.840.127

Ban Giám đốc Công ty đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản phải thu đã quá hạn từ lâu.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	38.057.190.301	-	37.099.423.071	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.275.124.489	-	2.405.303.228	-
Công cụ, dụng cụ	220.110.250	-	301.315.596	-
Cộng	43.552.425.040	-	39.806.041.895	-

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1 và giai đoạn 2	105.305.686.779	90.585.054.910
Dự án xây dựng hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2	23.038.164.426	74.980.313.167
Các dự án khác	12.060.766.609	28.380.474.220
Cộng	140.404.617.814	193.945.842.297

Nhóm công ty đang đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2 với tổng mức đầu tư theo dự toán là 3.567.712.000.000 VND. Trong đó, chi phí dịch vụ tư vấn thiết kế giám sát (đầu thầu quốc tế) là 71.919.032.272 VND tương đương 360.239.448 JPY. Dự án đang trong giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình và đang trình thẩm tra, thẩm định hồ sơ dự án.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2019	922.718.882.845	1.086.258.074.434	2.532.032.289.216	51.421.372.045	7.743.678.248	4.600.174.296.788
Mua trong kỳ	42.272.728	3.891.267.229	-	187.660.000	156.836.800	4.278.036.757
Đầu tư XDCB hoàn thành	69.990.203.295	60.247.280.053	144.543.229.937	-	-	274.780.713.285
Tăng khác	373.398.403	-	-	31.915.302	-	405.313.705
Thanh lý, nhượng bán	(2.350.377.457)	(1.957.522.785)	(421.355.000)	(276.188.210)	-	(5.005.443.452)
Giảm khác (*)	(5.652.074.183)	(10.320.668.650)	(8.167.047.314)	-	-	(24.139.790.147)
Tại ngày 31/12/2019	985.122.305.631	1.138.118.430.281	2.667.987.116.839	51.364.759.137	7.900.515.048	4.850.493.126.936
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2019	375.511.254.847	463.041.200.231	826.250.466.211	35.430.834.789	4.466.701.823	1.704.700.457.901
Khấu hao trong kỳ	60.741.797.784	78.552.140.499	100.894.445.612	4.507.749.783	927.215.266	245.623.348.944
Thanh lý, nhượng bán	(2.350.377.457)	(1.957.522.785)	(421.355.000)	(276.188.210)	-	(5.005.443.452)
Giảm khác	(345.967.403)	(4.588.105.765)	(214.094.220)	-	-	(5.148.167.388)
Tại ngày 31/12/2019	433.556.707.771	535.047.712.180	926.509.462.603	39.662.396.362	5.393.917.089	1.940.170.196.005
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2019	547.207.627.998	623.216.874.203	1.705.781.823.005	15.990.537.256	3.276.976.425	2.895.473.838.887
Tại ngày 31/12/2019	551.565.597.860	603.070.718.101	1.741.477.654.236	11.702.362.775	2.506.597.959	2.910.322.930.931

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 1.298.190.683.530 VND đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17;

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 636.170.510.108 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(*) Là khoản điều chỉnh giảm giá trị quyết toán công trình theo thông báo số 458/TB – KV XIII của kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII về kết quả kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I.

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Quy hoạch bản đồ VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2019	351.220.122.175	2.814.843.027	2.196.048.088	356.231.013.290
Mua trong kỳ	-	-	152.500.000	152.500.000
Giảm khác (*)	(290.919.999)	-	-	(290.919.999)
Tại ngày 31/12/2019	350.929.202.176	2.814.843.027	2.348.548.088	356.092.593.291
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2019	31.752.845.966	1.586.840.933	1.020.141.943	34.359.828.842
Khấu hao trong kỳ	6.904.617.366	62.024.660	497.457.396	7.464.099.422
Tại ngày 31/12/2019	38.657.463.332	1.648.865.593	1.517.599.339	41.823.928.264
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2019	319.467.276.209	1.228.002.094	1.175.906.145	321.871.184.448
Tại ngày 31/12/2019	312.271.738.844	1.165.977.434	830.948.749	314.268.665.027

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình là 306.796.100.306 VND đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17;

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.985.612.088 VND.

(*) Là khoản điều chỉnh giảm giá trị quyết toán công trình theo thông báo số 458/TB – KV XIII của kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII về kết quả kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn I.

4.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	125.711.502	287.459.191
Cộng	125.711.502	287.459.191
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa cải tạo tài sản cố định	27.667.648.685	48.422.950.650
Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ điện tử cho khách hàng	10.890.886.666	22.360.264.229
Các khoản khác	1.633.209.568	1.864.262.904
Cộng	40.191.744.919	72.647.477.783

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan				
– Xem thêm mục 8	8.023.453.981	8.023.453.981	15.248.713.956	15.248.713.956
Phải trả cho người bán				
Công ty Kumho Industrial Co., Ltd	10.138.530.063	10.138.530.063	-	-
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	4.726.534.058	4.726.534.058	4.134.003.203	4.134.003.203
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	231.000.000	231.000.000	6.447.755.600	6.447.755.600
Phải trả cho các đối tượng khác	21.554.979.260	21.554.979.260	35.829.008.301	35.829.008.301
Cộng	44.674.497.362	44.674.497.362	61.659.481.060	61.659.481.060

4.12. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
– Xem thêm mục 8	19.222.718.878	1.921.276.202
Các khách hàng khác	17.088.535.046	15.312.782.260
Cộng	36.311.253.924	17.234.058.462
Dài hạn:		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
– Xem thêm mục 8	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khách hàng khác	1.867.902.036	1.867.902.036
Cộng	3.867.902.036	3.867.902.036

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2019 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.599.637.160	4.225.253.670	2.219.525.421	-	593.908.911
Thuế thu nhập doanh nghiệp	710.804.562	4.990.326.305	19.446.624.174	27.504.451.045	-	12.337.348.614
Thuế thu nhập cá nhân	-	616.272.149	3.615.685.562	3.241.456.064	21.586.678	263.629.329
Thuế tài nguyên	-	736.453.201	9.505.093.153	8.909.989.933	-	141.349.981
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	432.204.144	393.033.645	393.033.645	-	432.204.144
Các loại thuế khác	-	3.431.160.871	47.493.866.426	48.469.286.699	-	4.406.581.144
Cộng	710.804.562	12.806.053.830	84.679.556.630	90.737.742.807	21.586.678	18.175.022.123

4.14. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Chi phí lãi vay phải trả	12.236.078.900	13.578.886.426
Các khoản trích trước khác	5.803.172.519	2.843.543.138
Cộng	18.039.251.419	16.422.429.564

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức phải trả	358.745.975	327.478.500
Tiền nước chưa quyết toán	896.111.307	585.838.522
Phi bảo vệ môi trường	3.146.333.458	2.732.852.596
Kinh phí công đoàn	1.490.925.252	1.495.325.132
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.121.061.068	2.210.778.041
Cộng	8.013.177.060	7.352.272.791
Dài hạn:		
Bồi thường di dời trạm bơm nước thô Biên Hòa	1.905.000.000	1.905.000.000
Phải trả nhà thầu Dohwa – dự án Thiện Tân giai đoạn 2	921.826.409	999.044.917
Công ty Kumho Industrial Co.,Ltd – Dự án Xây dựng nhà máy nước Thiện Tân giai đoạn 2	-	33.127.249.852
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	1.246.653.173
Cộng	2.826.826.409	37.277.947.942

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Trong năm VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
	Giá trị	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	439.806.846.385	486.001.391.511	509.191.947.592
Vay dài hạn	1.624.332.055.793	110.139.301.138	250.305.538.125
Cộng	2.064.138.902.178	596.140.692.649	759.497.485.717
Các khoản vay được chi tiết như sau:			
Vay ngắn hạn:			
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	6,7%/năm	100.460.341.872
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	6,5% - 7%/năm	60.394.832.132
Vay dài hạn đến hạn trả:			
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	10%/năm	59.697.930.420
Quý Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7%/năm	22.392.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	9,5% - 9,7%/năm	12.595.640.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	JPY, KRW	1,3% - 3,53%/năm	173.228.687.293
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,9% - 7,2%/năm	1.157.166.668
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	9,1%/năm	4.836.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành Phố Hồ Chí Minh	VND	10%/năm	5.044.248.000
Cộng			439.806.846.385
			462.997.402.466

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vay dài hạn:	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày	
			31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	10%/năm	48.758.182.933	110.179.510.017 (c)
Quý Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7%/năm	108.729.299.896	119.467.034.796 (d)
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	9,5% - 9,7%/năm	25.626.171.094	36.369.856.966 (e)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	JPY, KRW	1,3% - 3,53%/năm	1.322.931.397.762	1.382.734.104.538 (f)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,9% - 7,2%/năm	1.735.749.994	2.892.916.662 (g)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	9,1%/năm	25.392.818.907	30.228.818.907 (h)
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành Phố Hồ Chí Minh	JPY	0,97%	78.065.435.207	69.533.050.894 (i)
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành Phố Hồ Chí Minh	VND	10%/năm	13.093.000.000	13.093.000.000 (j)
Cộng			1.624.332.055.793	1.764.498.292.780

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- (a) và (c) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Một phần Nhà máy nước Thiên Tân theo Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TT1 ngày 10/07/2011;
 - Hệ thống cấp nước Thanh Phú. Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TP ngày 10/07/2011;
 - Quyền sử dụng đất tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSD đất số 0934404; Quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSH nhà ở và QSD đất ở số 747312604100101;
 - Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 hình thành trong tương lai.
- (d) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Nhà làm việc Xi nghiệp nước Xuân Lộc tại Thị trấn Gia Ray, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai;
 - Hệ thống cấp nước thị trấn Định Quán và hệ thống cấp nước Phường Tân Biên, TP. Biên Hòa;
 - Tài sản hình thành trong tương lai: Hệ thống cấp nước xã Long Hưng Giai đoạn 2; Hệ thống cấp nước Vĩnh Cửu 15.000m³; Hệ thống cấp nước Thị trấn Trảng Bom Giai đoạn 2; Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Tân - Trại An; Hệ thống cấp nước xã Bình Sơn, huyện Long Thành và Hệ thống cấp nước xã Long An, huyện Long Thành.
- (e) Khoản vay được đảm bảo bằng dự án công trình hệ thống cấp nước Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, công suất 7.000m³/ngày và các tài sản hình thành sau Cãi tạo, lấp đặt các tuyến ống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch;
- Tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Thiên Tân Giai đoạn 2.

(b), (g), (h), (i) và (j) là các khoản vay không có đảm bảo bằng tài sản.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình đảm bảo cho các khoản vay lần lượt là 1.298.190.683.530 VND và 306.796.100.306 VND – Xem thêm mục 4.8 và mục 4.9.

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Tai ngày 01/01/2018	1.000.000.000.000	18.764.721.167	26.218.693.500	38.143.019.993	(64.235.766.100)	167.538.000.455
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	105.935.927.943
Trích quỹ ĐIPT	-	-	-	6.927.757.835	-	11.048.448.002
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(6.556.295.170)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(51.350.028.000)
Tai ngày 01/01/2019	1.000.000.000.000	18.764.721.167	26.218.693.500	45.070.777.828	(64.235.766.100)	104.512.066.972
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	138.231.284.036
Trích quỹ ĐIPT	-	-	-	19.841.536.084	-	11.019.069.911
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.069.336.385)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(8.971.896.000)
Tai ngày 31/12/2019	1.000.000.000.000	18.764.721.167	26.218.693.500	64.912.313.912	(64.235.766.100)	290.897.201.821
						105.425.528.742
						1.441.982.693.042

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	100.000.000	100.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	153.165.685.895	138.231.284.036
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(16.082.397.019)	(16.531.034.394)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	137.083.288.876	121.700.249.642
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	100.000.000	100.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.371	1.217

4.18.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	153.165.685.895	138.231.284.036
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(16.082.397.019)	(16.531.034.394)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	137.083.288.876	121.700.249.642
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	100.000.000	100.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.371	1.217

4.18.5. Cổ tức

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Cổ tức trên mỗi cổ phần của cổ phiếu phổ thông	800	400

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
Ngoại tệ các loại:		
USD	23.098,63	4.232,09

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng	1.034.682.029.096	942.790.968.987
Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.629.840.003	68.810.824.243
Cộng	1.072.311.869.099	1.011.601.793.230

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn cung cấp nước	633.548.247.116	547.713.715.075
Giá vốn của dịch vụ lắp đặt và dịch vụ khác	35.199.665.606	68.861.208.707
Cộng	668.747.912.722	616.574.923.782

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	4.837.147.506	3.739.058.762
Cổ tức, lợi nhuận được chia	226.008.000	197.505.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.499.571.864	1.591.082.832
Cộng	7.562.727.370	5.527.646.594

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	78.231.093.175	60.032.562.236
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.208.912.742	1.416.959.985
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	18.879.142.543	17.850.671.160
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	80.000.000	-
Cộng	98.399.148.460	79.300.193.381

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	22.315.838.735	18.933.381.355
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	32.169.724.560	31.586.787.176
Chi phí lắp đặt hệ thống nước, thay thế bảo hành đồng hồ	11.790.530.181	36.042.772.986
Chi phí khấu hao	1.050.090.267	1.263.101.535
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.204.506.789	3.839.623.377
Cộng	69.530.690.532	91.665.666.429

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	44.327.968.226	37.645.854.685
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.766.349.661	3.363.060.610
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.116.028.609	19.991.939.743
Cộng	64.210.346.496	61.000.855.038

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	119.284.103.223	97.595.672.505
Chi phí nhân công	214.581.472.137	187.541.988.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	250.954.852.330	197.630.375.081
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.760.659.668	84.370.027.731
Chi phí khác bằng tiền	125.321.238.129	197.229.439.298
Cộng	803.902.325.487	764.367.502.636

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	183.710.876.230	176.572.033.842
Cộng: Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	10.421.965.608	10.561.603.084
Cộng: Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.554.056.936	3.935.794.525
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức và lợi nhuận sau thuế được chia)	(12.114.612.000)	(11.392.555.750)
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	183.572.286.774	179.676.875.701
Trừ: Thu nhập không được ưu đãi thuế	(9.540.460.031)	(97.365.505.363)
Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất ưu đãi	174.031.826.743	82.311.370.338
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%	10%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	17.403.182.674	8.231.137.034
Thuế TNDN từ thu nhập không được ưu đãi thuế	1.908.092.006	18.870.316.821
Thuế TNDN phải nộp của các năm trước	135.349.494	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	19.446.624.174	27.101.453.855

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	592.793.298.776	741.475.709.511

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(777.049.671.279)	(876.315.039.796)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm công ty là: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước. Ngoài ra, Nhóm công ty không hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nào khác. Do đó, Nhóm công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, vì các báo cáo tài chính hợp nhất đã trình bày đầy đủ các thông tin theo lĩnh vực kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Theo khu vực địa lý

Nhóm Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Nhóm Công ty hoàn toàn tại tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
5. Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	Công ty cùng tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
8. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng tập đoàn
9. Các công ty con, công ty liên kết khác thuộc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	Công ty cùng tập đoàn
10. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	293.508.224	293.508.224
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	-	50.591.365
Các công ty cùng tập đoàn	119.025	6.185.441.162
Cộng – Xem thêm mục 4.3	293.627.249	6.529.540.751

Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.4

Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	-	183.684.420
-------------------------------------	---	-------------

Phải trả thương mại – Xem thêm mục 4.11

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	(8.023.453.981)	(15.248.713.956)
---	-----------------	------------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Người mua trả tiền trước:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	(19.162.437.029)	-
Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	(60.281.849)	(807.960.209)
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	-	(962.606.436)
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	-	(150.709.557)
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	-	-
Cộng – Xem thêm mục 4.12	(21.222.718.878)	(3.921.276.202)

Trong năm, Nhóm Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty cùng tập đoàn	138.940.454.888	129.794.378.252
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	688.707.600	5.198.100.439
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	3.636.364	239.090.910
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	7.647.500	220.903.500
Cộng – Xem thêm mục 5.1	139.640.446.352	135.452.473.101

Mua hàng:

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	15.187.265.315	75.094.277.778
Các công ty cùng tập đoàn	14.375.516	35.607.535.129
Cộng	15.201.640.831	110.701.812.907

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Nhóm công ty được chi tiết như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao và thu nhập	11.976.313.054	11.694.285.381

9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT NHÓM CÔNG TY

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	1.900.191.000	1.865.851.215

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Trích):

	Tại ngày 01/01/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	11.003.696.583	10.222.309.545
Thuế GTGT được khấu trừ	10.605.797.769	10.698.034.527
Tài sản cố định hữu hình	2.895.473.838.887	2.888.621.816.521
Tài sản cố định vô hình	321.871.184.448	321.373.740.294
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	193.945.842.297	193.827.894.115
Chi phí trả trước dài hạn	72.647.477.783	54.799.339.749
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18.175.022.123	14.280.357.538
Phải trả ngắn hạn khác	7.352.272.791	7.368.862.862
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	253.342.439.213	231.215.810.711

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (Trích):

	Năm 2018 VND	Năm 2018 VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	616.574.923.782	642.047.102.780
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	394.795.394.000	369.323.215.002
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	171.662.378.676	146.190.199.678
Thu nhập khác	7.586.219.802	7.020.926.789
Lợi nhuận khác	4.909.655.166	4.344.362.153
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	176.572.033.842	150.534.561.831
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.101.453.855	23.255.683.592
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	149.279.732.038	127.088.030.290
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	138.231.284.036	116.039.582.288
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.217	1.039
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.217	1.039

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (Trích):

	Năm 2018 VND	Năm 2018 VND
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Lợi nhuận trước thuế	176.572.033.842	150.534.561.831
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	197.630.375.081	197.510.367.650
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	439.677.837.496	413.520.358.054
Tăng, giảm các khoản phải thu	174.922.277.129	175.644.196.404
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(179.377.450.429)	(171.790.028.296)
Tăng giảm chi phí trả trước	(13.098.041.466)	4.750.096.568

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do Nhóm công ty điều chỉnh theo thông báo số 397/TB-KTNNKVXIII của kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Thị Hồng

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 23 tháng 3 năm 2020

Nguyễn Thu Oanh

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Cúc

Người lập



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2020

XÁC NHẬN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
ĐỒNG NAI

Phạm Thị Hồng